

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	1
2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	1
3. Căn cứ pháp lý.....	2
4. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	4
5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp	6
5.1. Tổ chức thực hiện.....	6
5.2. Sản phẩm giao nộp	6
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	7
1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên.....	7
1.1.1 Vị trí địa lý	7
1.1.2 Địa hình, địa mạo	8
1.1.3 Khí hậu	8
1.1.4 Thủy văn.....	8
1.1.5 Các nguồn tài nguyên	9
1.1.5.1 Tài nguyên đất.....	9
1.1.5.2 Tài nguyên nước	10
1.1.5.3 Tài nguyên rừng	10
1.1.5.4. Tài nguyên biển	10
1.1.5.5. Tài nguyên nhân văn	11
1.1.5.6. Tài nguyên du lịch	11
1.2 Khái quát về kinh tế-xã hội	12
1.2.1 Về kinh tế	12
1.2.2 Về Văn hóa-xã hội.....	15
1.2.3. Công tác tôn giáo, dân tộc	16
1.2.4. Quốc phòng - an ninh; công tác thanh tra - tư pháp.....	16
1.2.5. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính	17
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	20
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	20
A. Đất nông nghiệp.....	34
B. Đất phi nông nghiệp.....	35
C. Đất chưa sử dụng:	42

2.2 Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	42
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .	48
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	50
3.1 Chỉ tiêu sử dụng đất	50
3.2 Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	62
3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	62
3.3 Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu.....	71
3.4 Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	79
3.5 Diện tích đất cần thu hồi	80
3.6 Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:	82
3.7 Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	82
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất...	93
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	94
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	94
4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	95
4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	95
4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền	96
4.3.2 Giải pháp về chính sách	96
4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện	97
4.4 Các giải pháp khác	100
4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.....	100
4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	101
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	102
1. Kết luận	102
2. Kiến nghị	102

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	TT	Thông Tư
2	KH	Kế hoạch
3	HT	Hiện trạng
4	TH	Tiểu học
5	KQTH	Kết quả thực hiện
6	HĐND	Hội đồng nhân dân
7	THCS	Trung học cơ sở
8	UBND	Ủy ban nhân dân
9	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
10	XDCB	Xây dựng cơ bản
11	BHYT	Bảo hiểm y tế
12	BHXH	Bảo hiểm xã hội
13	NQ	Nghị quyết
14	DMCT	Danh mục công trình
15	BCH	Ban chỉ huy
16	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
17	KHSDD	Kế hoạch sử dụng đất
18	QHSDD	Quy hoạch sử dụng đất
19	GCNQSDD	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
20	QĐ	Quyết định
21	VPHU	Văn phòng Huyện Ủy
22	TMTH	Thuyết minh tổng hợp

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, là cơ sở không gian của mọi quá trình sản xuất, là tư liệu sản xuất đặc biệt không có gì thay thế được, là thành phần quan trọng nhất của môi trường sống và là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*” (khoản 1, Điều 54).

Quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai (Điều 22 Luật Đất đai năm 2013). Đồng thời về nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền lập, xét duyệt và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được quy định cụ thể tại Chương IV với 17 Điều (từ Điều 35 đến Điều 51. Trong đó theo khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh và kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh là 05 năm. Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*”.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện dự án “*Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá*”, nhằm đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 và xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để phân bổ, bố trí quỹ đất hợp lý, đúng mục đích đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong năm 2024.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng đất triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo kế hoạch đã được phê duyệt cũng như thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá theo đúng quy định pháp luật.

2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- Xác định nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trong năm 2024 để đưa ra phương án kế hoạch sử dụng khả thi;
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính;
- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Tạo căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn thành phố;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố phải phù hợp với quy hoạch sử

dụng đất đến năm 2030 của thành phố và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 của thành phố;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá phải đảm bảo quy trình, quy phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 1356/UBND-KT ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai lập Kế hoạch hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 1344/STNMT-ĐĐ ngày 02 tháng 08 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc triển khai Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 629/UBND-TNMT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về việc đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 của thành phố Rạch Giá.

** Cơ sở thông tin, tư liệu:*

- Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Rạch Giá;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá

- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc danh mục dự án, công trình phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

- Nghị quyết số 118/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc danh mục dự án cần thu hồi đất, danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo 269/BC-SKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo đề xuất các dự án trọng điểm;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới (điều chỉnh, bổ sung) thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp thành phố Rạch Giá quản lý;

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (lần II) giai đoạn 2021-2025, bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 06 tháng đầu năm và chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2023 thành phố Rạch Giá;

- Báo cáo số 259/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 7 tháng đầu năm và chương trình công tác đến cuối năm 2023;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2022 của thành phố Rạch Giá;

- Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2024 của thành phố;

- Nhu cầu sử dụng đất của Hộ gia đình, cá nhân trong năm kế hoạch 2024 trên địa bàn thành phố Rạch Giá.

4. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung kế hoạch sử dụng đất được lập theo hướng dẫn tại mục 3, Chương III của Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (từ Điều 43 đến Điều 48), bao gồm các nội dung sau:

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa;
- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

Bảng 01: Danh mục chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và cấp huyện xác định

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	x	0	x
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	x	0	x
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0	x	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	x	0	x
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	x	0	0
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x	0
1.8	Đất làm muối	LMU	0	x	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	x	0	0
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	x	0	0
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	x	0	x
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	x	0	x
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	x	0	x
2.8	Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm	SKX	0	x	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	x	x	0
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	x	x	0
-	Đất thủy lợi	DTL	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	x	x	0
-	Đất công trình năng lượng	DNL	x	x	0
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	x	x	0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	x	0	0
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	x	0	0
-	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA	x	0	x
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	x	0	0
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	x	0	x
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0	x	0
-	Đất chợ	DCH	0	x	0
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	x	0	x
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0	x	0
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0	x	0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	x	0	x
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	x	0	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	x	0	x
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	x	0	x
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	x	0	0
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0	x	0
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x	0
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	x	0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	x	0	0
II	Khu chức năng*				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	x	0	0
2	Đất khu kinh tế	KKT	x	0	0
3	Đất đô thị	KDT	x	0	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	x	x	0
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	x	x	0
6	Khu du lịch	KDL	x	0	0
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	x	0	0
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	x	0	0
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	x	0	0
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	x	x	0
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	0	x	0
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	x	x	0
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	0	x	0

Trong đó:

x: Được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung;

0: Không được phân bổ, không được xác định, không được xác định bổ sung;

*: Không tổng hợp khi tính toán diện tích tự nhiên.

5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp

5.1. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: UBND thành phố Rạch Giá.
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban và UBND phường xã.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2023

5.2. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (20 bộ).
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá (20 bộ).
- Đĩa CD lưu trữ dữ liệu (01 đĩa).

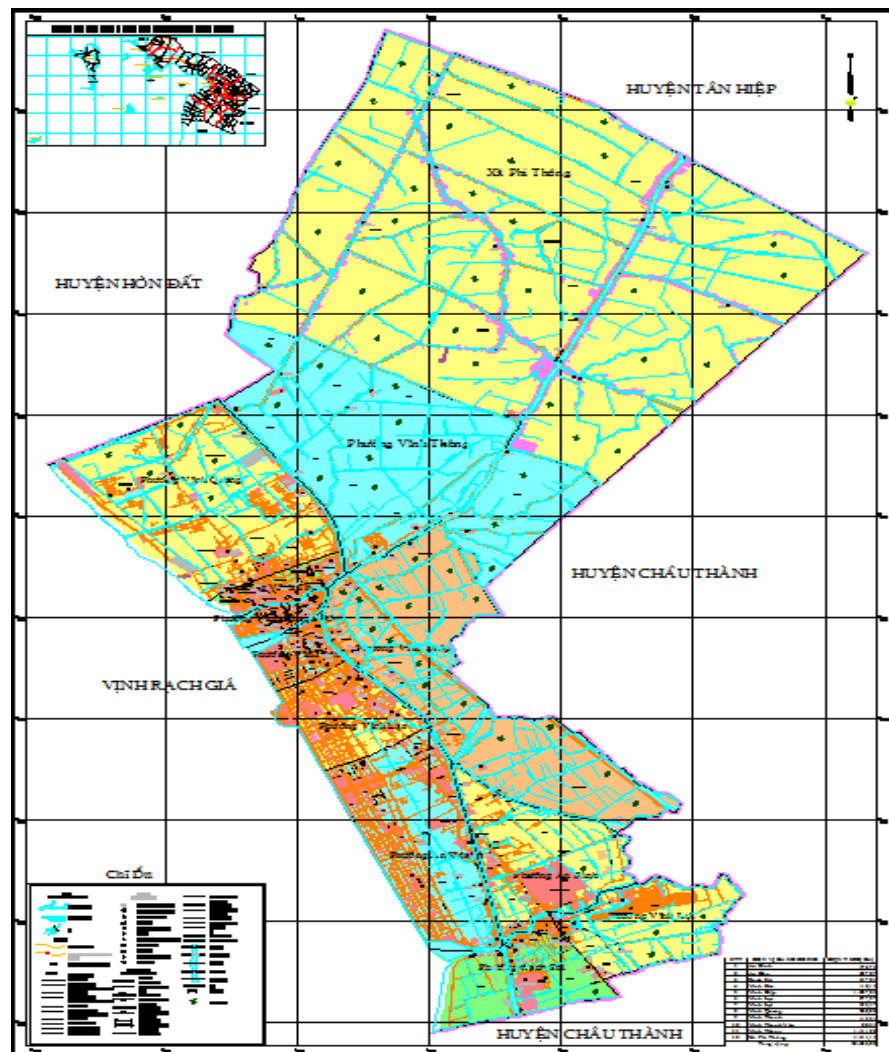
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1 Vị trí địa lý

Thành phố Rạch Giá là Trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang, có vị trí như sau:

- Phía Tây Bắc giáp huyện Hòn Đất
- Phía Đông Bắc giáp huyện Tân Hiệp
- Phía Nam, Đông Nam giáp huyện Châu Thành
- Phía Tây giáp vịnh Rạch Giá.



Hình 1: Bản đồ địa giới hành chính thành phố Rạch Giá

Thành phố Rạch Giá có tổng diện tích tự nhiên là 10.445,67 ha có 12 đơn vị hành chính trực thuộc (11 phường và 01 xã), có vị trí quan trọng đối với quốc gia về giao thương và an ninh quốc phòng. Có khả năng phát triển kinh tế cửa khẩu với Campuchia và Thái Lan. Nằm trên tuyến giao thông ven biển Xuyên Á qua các đô thị, cảng quan trọng của Asean tới Việt Nam, theo Quốc lộ 80 qua Hà Tiên, Kiên Lương, theo Quốc lộ 63 tới thành phố Cà Mau.

Thành phố Rạch Giá nằm ở bờ biển phía Tây của Tổ Quốc, cách thành phố Hồ Chí Minh 248km, Cần Thơ 150km, Long Xuyên 70km, Châu Đốc 130km, Vị Thanh 50km,

Hà Tiên 90km và cửa khẩu Hà Tiên (biên giới VN - Campuchia) là 100km. Thành phố Rạch Giá là nơi tập trung những đầu mối giao thông quan trọng như: Cảng, sân bay, quốc lộ, đường biển, đường sông. Với lợi thế kinh tế, Thành phố đã được xác định là đầu mối của tam giác phát triển Phú Quốc - Rạch Giá - Hà Tiên và có ý nghĩa về an ninh - quốc phòng trong tiến trình phát triển KT - XH của tỉnh Kiên Giang nói riêng và cả nước nói chung.

1.1.2 Địa hình, địa mạo

Địa hình của thành phố Rạch Giá thuộc loại đồng bằng ven biển nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên, có cao độ từ 0,2m đến 0,4m; bị chia cắt bởi kênh Rạch Giá - Hà Tiên và Rạch Giá - Long Xuyên, có nhiều kênh rạch nên vào mùa lũ thường bị ngập nhất là những xã, phường nông nghiệp như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, ảnh hưởng nhiều đến việc sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nhân dân.

1.1.3 Khí hậu

Thành phố Rạch Giá nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có nhiệt độ cao và ổn định.

☀️ Nhiệt độ trung bình năm: 27,8°C.

- Nhiệt độ cao nhất trung bình: 29,4°C.
- Nhiệt độ thấp nhất trung bình: 26,1°C.

☀️ Trong năm được chia ra làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

* Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11.

- Lượng mưa trung bình năm: 2366mm.
- Số ngày mưa: 169 ngày/năm.
- Lượng mưa tháng lớn nhất vào tháng 8, tháng 9.

* Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và kết thúc vào tháng 4 năm sau.

- Độ ẩm trung bình: 82%.
- Số giờ nắng trung bình trong năm: 2.348,6 giờ.

* Đặc điểm về gió: Mùa khô thịnh hành là gió Bắc và Đông Bắc, mùa mưa thịnh hành là gió Tây và Tây Nam.

Vận tốc gió trung bình 1.5m/s, về mùa mưa vận tốc gió trung bình từ 4 - 4,5m/s, tốc độ gió mạnh nhất có khi lên đến 16 - 20 m/s, đôi khi còn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những cơn bão lớn (như cơn bão số 5 năm 1997).

1.1.4 Thủy văn

Thành phố Rạch Giá có một hệ thống kênh rạch khá dày đặc. Có các tuyến kênh chính như: kênh Vành Đai (đường thủy Phía Nam), kênh Rạch Giá - Hà Tiên, kênh Rạch Giá - Long Xuyên, kênh Đồn Đông, kênh Ông Hiên, sông Rạch Sỏi. Ngoài việc cung cấp nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp còn là mạng lưới giao thông thủy phục vụ vận tải hàng hoá, hành khách đi các huyện trong tỉnh góp phần cải tạo môi trường sinh thái đô thị. Hệ thống kênh nội đồng dày đặc đã góp phần cấp, thoát nước phát triển sản xuất nông nghiệp, cải tạo và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của thành phố.

Do nằm ở cuối nguồn nước ngọt của sông Hậu hệ thống thủy văn phụ thuộc rất lớn vào khả năng chuyên tải của hệ thống kênh trục, các kênh ngang nối các kênh trục

với nhau.

Bảng 02: Đặc điểm một số kênh trục thành phố Rạch Giá

TT	Tên kênh	Chiều dài (m)	Rộng (m)
1	Kênh Vành đai (Đường thủy phía Nam)	5.800	60,0
2	Kênh Rạch Giá - Hà Tiên	3.950	60,0
3	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	10.340	55,0
4	Kênh Ông Hiễn	7.137	50,0
5	Sông Rạch Sỏi	3.122	52,0

Chế độ thủy văn của các kênh, sông của thành phố Rạch Giá bị chi phối bởi 2 yếu tố: Chế độ thủy văn sông Hậu và thủy triều biển Tây.

Vào mùa mưa từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 lưu lượng lớn nhất tại các kênh trục vào khoảng 300 m³/s, lũ về thường gây ngập lụt ở các phường xã vùng ven như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Hiệp. Thời điểm nước rút thường từ cuối tháng 11 đến tháng 12.

Vào mùa khô bắt đầu từ tháng 2 khi tác động tiếp ngọt của sông Hậu bị yếu, triều biển Tây mạnh hơn nên nước mặn thường xâm nhập vào nội địa ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho toàn thành phố. Việc xây dựng các cống, đập ngăn mặn sẽ có vai trò rất lớn cho phát triển ngành nông nghiệp. Tuy nhiên do lưu lượng nước sông Hậu cao hơn mực nước bình quân tại vùng biên thành phố nên dòng chảy có xu hướng từ sông Hậu đổ ra biển Tây, có thể tận dụng ưu thế này để đưa nước ngọt vào phục vụ đời sống và phát triển kinh tế thành phố Rạch Giá.

1.1.5 Các nguồn tài nguyên

1.1.5.1 Tài nguyên đất

Theo tài liệu điều tra về thổ nhưỡng, đất thành phố Rạch Giá gồm các nhóm chính sau:

a). Đất phèn (S)

Phân bố rải rác trên khu vực xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, phường Vĩnh Quang, phường Vĩnh Lạc, phường An Hoà và phường Rạch Sỏi. Nhóm đất phèn thường có hàm lượng hữu cơ cao, mật độ phân giải thấp, ít biến động giữa các tầng đất, được hình thành do sản phẩm bồi tụ phù sa với vật liệu sinh phèn, phát triển mạnh ở môi trường đầm mặn khó thoát nước. Thành phần cơ giới nặng, đại bộ phận là sét, ứ đọng, dẻo, dính.

b). Đất mặn (M)

Phân bố chủ yếu ở xã Phi thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Quang. Nhóm đất mặn nhìn chung có độ phì tiềm tàng cao đất có phản ứng trung tính, ít chua, hàm lượng đạm trung bình, được hình thành qua quá trình phù sa lấn biển, do ảnh hưởng nước mặn biển theo thủy triều tràn vào hoặc do mạch nước ngầm mặn, tùy điều kiện thoát mặn mà đất bị mặn nhiều, mặn trung bình hay mặn ít. Thành phần cơ giới nặng, thành phần cấp hạt sét (0,002 mm) thông thường cát và limon gần như tương đương.

c). Đất phù sa (P)

Đây là loại đất phổ biến lớn nhất phân bố tập trung ở những phường, xã nông nghiệp như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, phường Vĩnh Quang, phường An Bình và phường Vĩnh Lợi.

Đất phù sa ở thành phố Rạch Giá chủ yếu là đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng,

được hình thành qua quá trình bồi tụ từ sản phẩm phong hóa đồi núi do tác động của sông và biển đồng thời với vật chất từ nước ngầm, các ô xít sắt, nhôm hình thành nên phần diện đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, đốm ri. Đất phù sa đốm gi có thành phần cơ giới nặng đến trung bình, có độ phì nhiêu cao, ít hạn chế đối với sản xuất nông nghiệp.

d). Đất nhân tác (Nt)

Nhóm đất nhân tác trên địa bàn thành phố có diện tích khá lớn, đặc biệt ở các khu lấn biển. Đất nhân tác được hình thành do sự phát triển đô thị dưới tác động của con người, có đặc điểm từ tầng mặt đến độ sâu lớn hơn 0,5m. Hình thành bởi sự tích lũy chất thải của đô thị và sự đào đắp khi phát triển đô thị.

1.1.5.2 Tài nguyên nước

a). Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt của thành phố Rạch Giá rất dồi dào, được cung cấp gián tiếp từ sông Hậu qua kênh Rạch Giá - Long Xuyên, Rạch Giá - Hà Tiên và mưa. Chất lượng nước mặt từ sông Hậu nhìn chung là tốt, hàm lượng phù sa trung bình khoảng 250g/m³. Do nằm ở cuối nguồn nên khả năng cung cấp nước ngọt trên địa bàn thành phố bị hạn chế dẫn đến đất đai bị nhiễm phèn và nhiễm mặn.

Chất lượng nguồn nước mặt bị chi phối bởi tác động tổng hợp của các yếu tố lũ và thủy triều, được thể hiện qua các chỉ tiêu đánh giá mức độ phèn và mặn. Nước mặt thường bị nhiễm phèn vào đầu mùa mưa và nhiễm mặn vào cuối mùa khô.

b). Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu điều tra mực nước ngầm của trường Đại học Cần Thơ và kết quả khoan tìm nước ngầm của chương trình nước nông thôn tỉnh Kiên Giang, thành phố Rạch Giá có nguồn nước ngầm gốc biển, hàm lượng muối sắt cao từ 1-4%, độ pH từ 6-7, nên khả năng khai thác phục vụ sinh hoạt rất hạn chế, khu vực thành phố có thể khai thác sử dụng được ở độ sâu trên 60 mét.

Nước sinh hoạt tại thành phố Rạch Giá có 3 khu vực khác nhau:

- Khu vực sử dụng nước mặt sau khi tự lắng lọc gồm: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Hiệp.

- Khu vực sử dụng nước sinh hoạt do nhà máy nước cung cấp gồm: các phường nội thị như Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Bảo, Vĩnh Lạc. Nguồn nước được lấy từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên qua hồ chứa ở phường Vĩnh Thông, sau khi xử lý được dẫn đến các hộ dân.

- Khu vực sử dụng nguồn nước ngầm do trạm cấp nước Rạch Sỏi cung cấp gồm phường: An Hoà, An Bình, Rạch Sỏi, Vĩnh Lợi.

1.1.5.3 Tài nguyên rừng

Trên địa bàn toàn thành phố Rạch Giá không còn diện tích đất rừng.

1.1.5.4. Tài nguyên biển

Thành phố Rạch Giá có bờ biển dài 15 km, nước từ các sông, kênh rạch của vùng tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu đổ ra nên nước biển ven bờ chứa nhiều phù sa bồi lắng do vậy không có bãi tắm.

Vùng biển Rạch Giá được xác định là ngư trường giàu tiềm năng của tỉnh, tạo cho thành phố có thể mạnh về kinh tế biển. Với ngư trường rộng lớn, nguồn thủy sản đa dạng, phong phú, trữ lượng khai thác lớn, một số loại thủy sản có trữ lượng cao như: cá liệt, cá nục, cá trích, cá thu, cá ngừ... một số loại có giá trị kinh tế cao dùng để xuất khẩu như: cá nhám, cá gộc, cá đường. Ngoài cá, tôm, biển Rạch Giá còn có nhiều sò huyết, hải sâm. Các món ăn chế biến từ các loại hải sản vùng biển Rạch Giá là những món ăn ngon, bổ có tiếng.

Ngành khai thác thủy sản được chú trọng đầu tư nhất là các phương tiện đánh bắt xa bờ và dịch vụ hậu cần nghề cá, sản lượng khai thác hàng năm tăng. Tuy nhiên, hiện nay với cường độ khai thác cao, những phương tiện đánh bắt lạc hậu, đánh bắt ven bờ là chủ yếu. Vì vậy, việc chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác hải sản là yêu cầu cần thiết nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản lâu dài và bền vững.

1.1.5.5. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân thành phố Rạch Giá có truyền thống đấu tranh cách mạng góp phần giành độc lập tự do cho đất nước, lao động sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Tinh thần đó đã được ghi dấu với những di tích lịch sử nổi tiếng qua các thời đại như: đền thờ Nguyễn Trung Trực, mộ nhà thơ yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt, bảo tàng Kiên Giang. Các di tích văn hoá: chùa Phật Lớn, chùa Láng Cát, đình Vĩnh Hoà, chùa Quang Đế, chùa Tam Bảo kiến trúc độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc.

Thành phố Rạch Giá là nơi cộng đồng người Hoa, người Khơ-me cùng người Kinh sinh sống tạo nên nét rất đặc trưng Nam Bộ. Hàng năm diễn ra nhiều lễ hội truyền thống, đặc biệt là các ngày lễ, kỷ niệm, ngày giỗ các danh nhân, anh hùng dân tộc.

1.1.5.6. Tài nguyên du lịch

Thành phố Rạch Giá là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh Kiên Giang. Thành phố Rạch Giá cũng là nơi đầu tiên của Việt Nam tiến hành việc lấn biển để xây dựng đô thị mới. Nơi đây ngoài các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, còn có khu thể thao đạt chuẩn quốc gia và rất nhiều khu vực vui chơi giải trí hấp dẫn. Ngày nay, thành phố biển này khá nhộn nhịp với nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa và du lịch, đây thực sự là điểm dừng chân, nghỉ ngơi lý tưởng của du khách trước khi đến với Hà Tiên, Phú Quốc, Nam Du và các địa danh khác của Kiên Giang. Thành phố Rạch Giá có các cơ sở thờ tự đã được nhà nước cấp bằng công nhận “Di tích Lịch sử Văn hóa - Kiến trúc” như: Chùa Tam Bảo, Phật Lớn, Láng Cát, Quan Đế, đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, đình Vĩnh Hòa... Đặc biệt, Lễ hội truyền thống kỷ niệm Ngày hy sinh của Anh hùng Dân tộc Nguyễn Trung Trực diễn ra vào các ngày 26, 27 và 28 tháng Tám Âm lịch hàng năm thu hút trên 1 triệu lượt du khách hành hương khắp các nơi đến dâng hương, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng lễ hội; là dịp giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch của tỉnh nhà và xúc tiến, đầu tư, phát triển kinh tế.

Thành phố Rạch Giá là thành phố nằm ven biển duy nhất ở miền Tây đây là nơi có nhiều cảnh quan đẹp và tiềm năng du lịch sông nước biển đảo lớn. Nơi đây có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với du khách phương xa khi đến thăm thành phố. Người Việt, Hoa và Khmer - những con người ấy đã dựng xây, thành tạo nên một nền văn hóa đặc sắc đậm đà bản sắc dân tộc, mà người đời thường gọi là văn minh xứ Rạch Giá với vô số đền đài, chùa chiền và hàng trăm công trình thờ tự nổi tiếng khắp vùng Nam Bộ.

Hoạt động du lịch tiếp tục phát triển, từng bước gắn kết với các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch kết hợp với các sự kiện, lễ hội ở địa phương phát triển mạnh về số lượng, quy mô và chất lượng phục vụ. Lượng khách du lịch tăng nhanh, đạt bình quân 1,8 triệu lượt khách/năm, tăng bình quân 22,09%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 54.420 tỷ đồng, tăng bình quân 21,32%/năm, đạt 100,15% so với Nghị quyết. Phấn đấu đến năm 2025 tổng lượng khách trên địa bàn đạt 2,5 triệu lượt khách/năm trong đó khách quốc tế trên 30.000 người.

Đặc biệt, trong thời gian tới, TP. Rạch Giá sẽ tiếp tục được xây dựng trở thành một trong 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, đồng thời cũng là một trong 4 đô thị của vùng kinh tế trọng điểm thuộc vùng ĐBSCL...

Đề mục tiêu trên thành hiện thực, TP. Rạch Giá sẽ tiếp tục kêu gọi đầu tư, phát triển các khu vui chơi giải trí, bãi tắm nhân tạo... tại các khu đô thị ven biển; xây dựng các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các xã, phường vùng ven của thành phố và kết nối với huyện Châu Thành, Hòn Đất...

+ Thành phố Rạch Giá được định hướng trở thành trung tâm kinh tế, thành phố xanh. Kiên Hải và vùng phụ cận như Hòn Đất trở thành các điểm du lịch vệ tinh nâng cao hoạt động trải nghiệm tham quan của du khách.

+ Các loại hình du lịch chủ yếu: du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, làng nghề; du lịch tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo; du lịch trung chuyển, du lịch biển đảo.

+ Định hướng khai thác tài nguyên du lịch: khai thác đặc tính đô thị xanh của Rạch Giá, ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, chú trọng phát triển các loại hình du lịch vui chơi giải trí và du lịch văn hóa.

+ Định hướng đầu tư cơ sở hạ tầng: tập trung xây dựng tuyến giao thông đường thủy, đường biển như tàu thuyền du lịch, hệ thống bến cảng để khai thác dịch vụ du lịch gắn với tài nguyên biển. Tập trung kết nối các điểm tham quan trên địa bàn, đảm bảo hệ thống cấp thoát nước và xử lý chất thải tại các điểm du lịch. Nâng cao hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng thành phố Rạch Giá thông minh.

1.2 Khái quát về kinh tế-xã hội

1.2.1 Về kinh tế

a. Thương mại, dịch vụ

Tập trung quản lý sắp xếp trật tự mua bán kinh doanh tại các chợ, trung tâm thương mại; tổ chức chợ hoa Xuân phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 tại 5 điểm, với 502 lô; triển khai các biện pháp đảm bảo cân đối cung cầu hàng hoá, bình ổn thị trường trong dịp Tết Nguyên đán, gắn với thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tiếp tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển, đăng ký thành lập mới trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hoá 17.091 tỷ đồng (*giá hiện hành*), đạt 50,84% kế hoạch, tăng 15,71% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác 10.318 tỷ đồng (*giá hiện hành*), đạt 50,98% kế hoạch, tăng 3,75% so cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật trong đầu tư, khai thác đối với các chợ trên địa bàn thành phố Rạch Giá. Tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 31/8/2021 của UBND thành phố về việc tăng cường quản lý khai thác các chợ giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

b. Công nghiệp, xây dựng

Sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất ngành công nghiệp 3.640,2 tỷ đồng, đạt 50,25% kế hoạch, tăng 12,91% so cùng kỳ. Giá trị ngành xây dựng 3.691,2 tỷ đồng, đạt 46,14% so kế hoạch, tăng 17,14% so cùng kỳ.

Quan tâm thực hiện các giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố, 6 tháng đầu năm đạt 6.640 tỷ đồng, đạt 51% kế hoạch, tăng 4,65% so cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư XDCB thành phố quản lý là 392,476 tỷ đồng, trong đó: vốn kế hoạch đầu tư công là 354,126 tỷ đồng, vốn giao dự toán là 38,350 tỷ đồng. Đến hết tháng 6, thi công có giá trị khối lượng hoàn thành là 183,877/392,476 tỷ đồng, đạt 46,85% kế hoạch, tăng 13,78% so cùng kỳ; giải ngân thực hiện 166,050/392,476 tỷ đồng, đạt 42,31% kế hoạch, tăng 12,15% so cùng kỳ; quyết toán 16 công trình với giá trị là 74,24 tỷ đồng.

c. Nông nghiệp, thủy sản

Diện tích thu hoạch vụ lúa Đông Xuân là 5.488,4 ha, năng suất 7,77 tấn/ha, sản lượng 42.670 tấn; diện tích gieo sạ vụ lúa Hè Thu là 5.420,08 ha. Sản lượng khai thác thủy sản 92.610 tấn, đạt 50,06% kế hoạch, tăng 4,68% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 275 tấn, đạt 50% kế hoạch, giảm 8,33% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - thủy sản là 1.996,58 tỷ đồng, đạt 50,69% kế hoạch, giảm 0,21% so cùng kỳ. Tổng số tàu thuyền trên địa bàn thành phố 1.665 chiếc, với 16.970 lao động (*giảm 161 tàu so năm 2022, chủ yếu là do tàu xóa đăng ký, bán đi nơi khác*).

Tăng cường chỉ đạo thực hiện các hoạt động cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định như: ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện, kiểm tra trách nhiệm của UBND, Chủ tịch UBND phường, xã; phối hợp với Ban Chỉ đạo IUU tỉnh tổ chức buổi gặp gỡ, thăm hỏi các chủ tàu cá bị nước ngoài bắt giữ trên địa bàn thành phố; tổ chức 02 đợt ra quân thực hiện cao điểm tuần tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố, kết quả phát hiện 11 trường hợp vi phạm (*trong đó, xử lý vi phạm hành chính 01 trường hợp*); tổ chức kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu địa phương về việc tiếp tục để xảy ra tình trạng tàu cá của địa phương vi phạm vùng biển nước ngoài.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Phi Thông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch thực hiện chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025.

Tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 31/8/2021 của UBND thành phố về việc phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị đến năm 2025 trên địa bàn thành phố. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 19/5/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố.

d. Tài chính, tín dụng

Tổng thu ngân sách toàn thành phố 482,281 tỷ đồng (*trong đó thu tiền sử dụng đất 130,9 tỷ đồng*), đạt 53,59% kế hoạch, giảm 7,66% so cùng kỳ; thu ngân sách phường, xã 273,21 tỷ đồng, đạt 53,65% kế hoạch, tăng 1,97% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách toàn thành phố 437,43 tỷ đồng, đạt 53,42% kế hoạch, tăng 12,16% so cùng kỳ (*trong đó, chi ngân sách thành phố 392,31 tỷ đồng, đạt 53,23% kế hoạch, tăng 10,45% so cùng kỳ; chi ngân sách phường, xã 45,12 tỷ đồng, đạt 55,13% kế hoạch, tăng 29,57% so cùng kỳ*).

Tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 31/8/2021 của UBND thành phố về huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025.

Hoạt động ngân hàng chính sách xã hội (đến 30/6/2023): Tổng nguồn vốn hoạt động 353,4 tỷ đồng; dư nợ cho vay 345,05 tỷ đồng; tỷ lệ nợ quá hạn 0,88% (*cao hơn Nghị quyết 0,2%*).

e. Công tác quản lý đô thị

Tăng cường quản lý trật tự xây dựng và cấp phép các công trình theo quy định; tập trung thực hiện lập lại trật tự đô thị nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, thường xuyên kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tổ chức triển khai đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040 theo Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị; Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh; sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị thành phố Rạch Giá; các phường tiếp tục thực hiện duy trì và xây dựng phường đạt chuẩn đô thị văn minh.

Thực hiện Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; kết quả, thành phố cơ bản đạt 59/63 tiêu chí của đô thị loại I, còn 04/63 tiêu chí chưa đạt. Phê duyệt Đề cương, dự toán Đề án xây dựng thành phố Rạch Giá thành trung tâm tổng hợp, chuyên ngành theo Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh.

Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá về trang trí đường phố phục vụ Lễ, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Triển khai thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; sửa chữa, sơn dây phân cách, dặm vá một số tuyến đường; trồng dặm, trang trí cây xanh công viên, trang trí chiếu sáng công cộng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố,... với tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố khoảng 1,6 tỷ đồng; đồng thời được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ủng hộ, tài trợ và thực hiện đầu tư mới, chỉnh trang, sửa chữa đèn trang trí với số tiền khoảng 28,6 tỷ đồng, góp phần cùng UBND thành phố thực hiện chỉnh trang đô thị, trang trí đường phố tạo sinh khí vào dịp Tết. Thực hiện Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố về tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục triển khai và rà soát, báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai. Thực hiện rà soát, đề xuất điều chỉnh bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn thành phố; rà soát, xây dựng kế hoạch đấu giá đất giai đoạn 2023-2025. Tổ chức rà soát, đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố, nhất là quản lý việc xây dựng nhà ở, công trình khác trên đất không đúng mục đích sử dụng; xây dựng lán, chiếm đất công, không phép, sai phép; tổ chức 02 cuộc cưỡng chế về thực hiện quyết định thu hồi đất và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng. Cấp mới 89 giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người dân theo yêu cầu.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh đoàn và Tổ chức WWF-Việt Nam tổ chức Ngày Hội Môi Trường năm 2023 nhân hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05/6), với hơn 1.000 lượt người tham dự. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; tổ chức thẩm định và cấp giấy phép môi trường 01 trường hợp.

1.2.2 Về Văn hóa-xã hội

a. Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố về nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2021-2025; tổng kết năm học 2022-2023 và công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022, triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2023. Năm học 2022-2023, huy động trẻ 5 tuổi học mẫu giáo đạt 99,32%; học sinh 6-14 tuổi đến trường đạt tỷ lệ 99,03%; trẻ 6 tuổi vào lớp một đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh bỏ học: tiểu học 0,36%, trung học cơ sở 0,99%. Chỉ đạo thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2022-2023 theo kế hoạch. Triển khai kế hoạch huy động trẻ vào học nhà trẻ, mẫu giáo, lớp 1 và tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở năm học 2023-2024 trên địa bàn thành phố.

b. Y tế, dân số - KHHGD

Tổ chức khám và điều trị bệnh cho 182.824 lượt người. Xây dựng phương án đảm bảo y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo các kịch bản trên địa bàn thành phố Rạch Giá năm 2023. Tiếp tục theo dõi, giám sát phòng chống dịch Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng; tiêm vắc xin phòng Covid-19. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra lĩnh vực hành nghề y, dược, mỹ phẩm, các dịch vụ y tế và an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố.

c. Văn hóa - thông tin - thể thao và tuyên truyền

Phối hợp với tỉnh tổ chức tốt Lễ hội đón Giao thừa tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 đã thu hút trên 200.000 ngàn lượt người xem. Tổ chức thực hiện tốt Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023. Tăng cường tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023, các ngày lễ lớn, các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Tổng lượt khách đến các cơ sở lưu trú là 168.200 lượt khách (*trong đó có 8.834 lượt khách nước ngoài*); tổng doanh thu 166,37 tỷ đồng.

d. Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội

Kịp thời chi trợ cấp cho 1.352 đối tượng chính sách, tổng số tiền 14,6 tỷ đồng và 5.549 đối tượng bảo trợ xã hội, số tiền 19,106 tỷ đồng. Giải quyết việc làm cho 4.093 lượt lao động, đạt 81,86% kế hoạch (trong tỉnh 2.325 lượt lao động, ngoài tỉnh 1.757 lượt lao động, xuất khẩu 11 lao động). Thành lập 13 Đoàn đi thăm và tặng quà các cơ quan, đơn vị; cơ sở tôn giáo, thờ tự; đối tượng chính sách, người có công; các đồng chí

nguyên lãnh đạo tỉnh, thành phố qua các thời kỳ nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Chuyển quà tết của Trung ương, Tỉnh đến các đối tượng theo quy định, tổ chức vận động trao quà cho hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em mồ côi, khuyết tật, nhiễm HIV, nạn nhân chất độc da cam, lực lượng Dân quân tự vệ và Ban bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố,... với tổng số tiền trên 6,6 tỷ đồng (trong đó kinh phí Trung ương 473,1 triệu đồng, tỉnh 1,15 tỷ đồng, thành phố và phường, xã khoảng 5 tỷ đồng). Ngoài ra, tổ chức vận động kinh phí hỗ trợ quà cho các hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán cho 02 huyện (Giang Thành, Vĩnh Thuận) với tổng số tiền 100 triệu đồng. Đưa 04 đối tượng ăn xin, tâm thần, lang thang,... vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. Hoàn thành xây dựng, sửa chữa Nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách trên địa bàn thành phố năm 2023 (18/18 căn). Triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án theo kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn thành phố; tổ chức sơ kết Đề án nâng cao công tác giảm nghèo trên địa bàn thành phố Rạch Giá, giai đoạn 2021 – 2025.

Kết quả thu BHXH-BHYT-BH thất nghiệp số tiền trên 294 tỷ đồng; tỷ lệ độ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 91,43% so dân số; thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đến nay có 1.867 người tham gia.

1.2.3. Công tác tôn giáo, dân tộc

Tình hình dân tộc, tôn giáo cơ bản ổn định; các chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo yên tâm hành đạo, sinh hoạt tín ngưỡng, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phối hợp tổ chức thăm và tặng quà một số cơ sở tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, Đại lễ Phật đản Phật lịch 2567 - Dương lịch 2023; Tết cổ truyền Chôl-Chnăm-Thmây năm 2023. Tiếp tục triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố năm 2023.

1.2.4. Quốc phòng - an ninh; công tác thanh tra - tư pháp

a. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương

Theo dõi, chỉ đạo nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Chỉ đạo duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu hai cấp; phối hợp các lực lượng tuần tra, canh gác được 4.495 cuộc với 33.517 lượt người. Tổ chức công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023, với 181/181 công dân, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức thực hiện kế hoạch phúc tra công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2024, trong đó chọn phường An Bình làm điểm chỉ đạo của thành phố. Tổ chức và tham gia các lớp tập huấn do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức đảm bảo theo quy định. Hoàn thành diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ phường Vĩnh Thanh, Vĩnh Hiệp và diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Rạch Giá năm 2023.

b. An ninh trật tự

Tiếp tục chỉ đạo công tác nắm tình hình, quản lý chặt địa bàn, đối tượng; chỉ đạo các lực lượng tăng cường công tác tuần tra bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, nhất là thời gian diễn ra Lễ, Tết, các sự kiện trên địa bàn. Tội phạm hình sự phát hiện 231 vụ (*tăng 73 vụ*); đã khám phá 206/231 vụ, bắt 312 đối tượng (*đạt 89,18%*). Tai nạn giao thông xảy ra 05 vụ (*giảm 05 vụ*), làm chết 03 người (*tăng 01*), bị thương 02 người (*giảm 06*), thiệt hại tài sản khoảng 19 triệu đồng. Cháy xảy ra 01 vụ (*giảm 01*),

thiệt hại tài sản khoảng 50 triệu đồng. Bổ sung mới 120 đối tượng theo Đề án số 01, kết quả loại 112 đối tượng, hiện đang quản lý 140 đối tượng. Tổ chức vận động, tuyên truyền việc không mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, PCCC, cấp CCCD, cài đặt VNeID và định danh điện tử... Tập trung thực hiện hoàn thành Đề án dữ liệu dân cư quốc gia và cấp thẻ căn cước công dân, đạt 100%; kích hoạt tài khoản ứng dụng định danh điện tử VNeID (mức độ 1, 2) được 40.662/110.000 hồ sơ đã thu nhận, đạt 36,97%; chỉ đạo tiếp tục thực hiện Đề án 06/CP đảm bảo quy định.

Tổ chức tổng kết công tác chuyên hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội năm 2022 đối với phường Vĩnh Thanh và đăng ký phường Vĩnh Lạc địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội để thực hiện chuyên hóa địa bàn năm 2023. Quan tâm chỉ đạo thực hiện việc xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị năm 2023 đối với phường Vĩnh Thanh, Vĩnh Bảo.

c. Thanh tra - Tư pháp

Tổ chức, triển khai thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch năm 2023; đến nay đã triển khai thực hiện 2/3 cuộc thanh tra, đạt 66,67% kế hoạch. Tiếp tục chỉ đạo đơn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra; kết quả, đến nay đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền 36.243.226/57.384.667 đồng (đạt 63,15%).

Chủ tịch UBND thành phố tiếp công dân định kỳ 09 cuộc, có 49 người tham dự; Ban Tiếp công dân và Thanh tra thành phố tiếp dân thường xuyên 81 cuộc, với 81 người tham dự. Qua tiếp công dân, tiếp nhận 31 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết (không có đơn tố cáo). Đã giao cơ quan chuyên môn thẩm tra, xác minh giải quyết, qua đó 02 trường hợp rút đơn, 02 trường hợp đang xin ý kiến chỉ đạo UBND tỉnh, còn lại 27 đơn đã xem xét ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra, rà soát đối tượng, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thuộc dự án xây dựng công trình Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh và các trường hợp công dân chưa thống nhất việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Trần Văn Giàu,... để tổ chức gặp gỡ, đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công dự án.

Ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 14/02/2023 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 và chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo thực hiện tốt công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2022 đảm bảo theo quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được quan tâm thực hiện kịp thời. Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được 344 cuộc, có 18.152 lượt người nghe và dự, nội dung tập trung một số Luật và Nghị định mới đã có hiệu lực thi hành.

1.2.5. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cán bộ, công chức, viên chức. Lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức năm 2022 đúng quy định. Quyết định phân bổ biên chế công chức hành, các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023. Chỉ đạo công tác bầu cử bổ sung Trưởng khu phố Nguyễn Trãi, khu phố Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh nhiệm kỳ 2019-2024. Ban hành kế hoạch tinh giản biên chế và cơ cấu lại

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022-2026. Chỉ đạo hoàn thiện Đề án thành lập Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố, Đề án giải thể Trung tâm tư vấn dịch vụ xây dựng trình UBND tỉnh cho ý kiến. Tổ chức thi tuyển viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục trên địa bàn thành phố năm 2023. Tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 15/4/2021 của UBND thành phố về việc nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021 – 2025.

Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022, ban hành các kế hoạch lãnh đạo, triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 và các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn thành phố Rạch Giá. Qua đó, các phòng, ban ngành thành phố, UBND các phường, xã đã triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023 đảm bảo theo yêu cầu.

Tổ chức, triển khai đánh giá kết quả tự chấm điểm CCHC năm 2022 của thành phố gửi về Sở Nội vụ, kết quả xếp loại tốt, xếp hạng 04/15 huyện, thành phố (năm 2021 xếp hạng 14/15 huyện, thành phố); thẩm định, công bố kết quả chấm điểm CCHC năm 2022 của các phường, xã. Kết quả 03 đơn vị đạt loại xuất sắc, 08 đơn vị đạt loại tốt và 01 đơn vị đạt loại khá. Tiếp tục thực hiện chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Rạch Giá, UBND phường Vĩnh Thông cho Bưu điện Rạch Giá.

Ứng dụng vận hành, thực hiện tốt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, văn bản điện tử (VNPT-iOffice). Đẩy mạnh việc triển khai số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến, biên lai điện tử; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước.

Hồ sơ “Một cửa” trong 6 tháng đầu năm tiếp nhận 20.534 hồ sơ (*kỳ trước chuyển sang 260 hồ sơ, trực tuyến 2.278 hồ sơ, nhận mới 17.996 hồ sơ*); đã giải quyết 20.348 hồ sơ (*trong đó, đúng hạn và trước hạn 20.237 hồ sơ, đạt 99,45%, trễ hạn 111 hồ sơ, chiếm 0,55%*); còn 186 hồ sơ đang giải quyết.

❖ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023, được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Thành ủy, nhất là sự hỗ trợ tích cực của các sở ngành cấp tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, từ đó tình hình kinh tế của thành phố tiếp tục phát triển, một số chỉ tiêu lĩnh vực kinh tế-xã hội đạt so kế hoạch và tăng so cùng kỳ như: huy động vốn đầu tư phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp – thủy sản, giá trị sản xuất ngành công nghiệp,... Công tác tổ chức sơ kết các kế hoạch, đề án trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025 cơ bản đảm bảo theo yêu cầu.

Tăng cường công tác kiểm soát thị trường; kiểm tra việc đầu tư, khai thác đối với các chợ trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo thực hiện chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản. Công tác quản lý đô thị được quan tâm chỉ đạo, có chuyển biến, nhất là tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng, trật tự đô thị. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án trên địa bàn, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, nhất là tranh thủ được nguồn vốn Trung ương để thực hiện dự án công

trình Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Việc thực hiện xã hội hóa trong công tác chăm lo, hỗ trợ cho gia đình chính sách, người có công, người nghèo vẫn được quan tâm, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo; phòng, chống các loại dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm kịp thời.

Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; số vụ tai nạn giao thông giảm. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, nhất là một số vụ việc khiếu kiện kéo dài trên địa bàn; công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Quan tâm, chỉ đạo ban hành các văn bản chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính; kịp thời xây dựng kế hoạch thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản, hồ sơ công việc, trao đổi công việc, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chuyển đổi số.

Tuy nhiên, một số lĩnh vực, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực hiện đạt thấp so với kế hoạch và giảm so cùng kỳ như: giá trị ngành xây dựng, thu ngân sách thành phố,... Tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép vẫn còn xảy ra (03 tàu). Tỷ lệ nợ quá hạn vay từ ngân hàng chính sách xã hội cao hơn so với Nghị quyết (0,2%). Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch và vận hành đô thị từng lúc, từng nơi thiếu chặt chẽ, có mặt còn hạn chế; tình trạng xây dựng không phép, mua bán lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè... còn diễn ra trên địa bàn. Tình hình triển khai thi công một số công trình theo kế hoạch đầu tư công tiến độ còn chậm, tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

Thực hiện quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, hành nghề y dược tư nhân của một số cơ sở kinh doanh chưa đảm bảo, qua kiểm tra vẫn còn một số cơ sở vi phạm. Công tác triển khai thực hiện các dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giảm nghèo bền vững và nông thôn mới của một số ngành, phường, xã chưa được chủ động, chậm tiến độ theo quy định và còn khó khăn.

Tình hình an ninh-trật tự từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp, nổi lên là trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích; số người chết do tai nạn giao thông tăng.

(Nguồn: Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 30/6/2023 của UBND TP. Rạch Giá)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 với tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá 90 danh mục công trình với diện tích là 156,14 ha (*không tính diện tích đất giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất và dự án lấn biển*) và bổ sung 01 Công trình thuê đất là Bệnh viện Sản nhi Kiên Giang. Ước tính thực hiện đến cuối năm 2023, như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện DMCT trong kế hoạch sử dụng đất 2023

STT	Hạng mục	Tổng DMCT năm 2023	Đã thực hiện xong	Thực hiện xong 01 phần	Hủy bỏ	Điều chỉnh chuyển tiếp	Diện tích thực hiện xong
1	Lấn biển	7	1			6	20,51
2	Thu hồi đất	32	5	3	2	22	11,73
3	Chuyển mục đích	18		1	5	12	0,24
4	Giao đất	20	4		2	14	4,15
5	Đấu giá	13	1		3	9	0,35
6	Danh mục bổ sung	1	1				2,56
Tổng:		91	12	4	12	63	39,54
Tỷ lệ đạt được (%)		100%	13,19%	4,40%	13,19%	69,22%	

➤ **Các công trình, dự án đã thực hiện xong: 12 công trình**

Bảng 04: Công trình, dự án đã thực hiện xong trong KHSDĐ năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
I	Lấn biển		34,96	14,45	20,51		
1	Cảng hành khách Rạch Giá	DGT	34,96	14,45	20,51	MVB	Vĩnh Thanh
II	Danh mục thu hồi đất		2,19	-	2,19		
2	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	DGT	0,36		0,36	LUC:0,32 CLN: 0,04	Vĩnh Quang
3	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	DGT	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
4	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	DNL	0,16		0,16	LUC	Vĩnh Quang
			0,25		0,25	LUC	Vĩnh Thông
			0,13		0,13	LUC	Vĩnh Hiệp
5	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	DVH	0,21	-	0,21	LUC	Phi Thông
6	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,19		0,19	SON: 0,09, ODT: 0,08, CLN: 0,02	Vĩnh Bảo
III	Danh mục giao đất		4,15	3,47	0,68		
7	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng)	DGD	0,68	-	0,68	CLN	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
8	Trường Mẫu giáo Hướng Dương- Khu tái định cư An Hòa	DGD	0,39	0,39	-	DGD	An Hòa
9	Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang	DGD	0,46	0,46	-	DGD	Vĩnh Quang
10	Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG	NKH	2,27	2,27	-	NKH	Vĩnh Thông
IV	Đầu giá QSDĐ						
11	Khu tái định cư Cầu Suối	ODT	0,35	0,35	-	ODT	Vĩnh Quang
V	Danh mục thuê đất						
12	Bệnh viện sản nhi tỉnh Kiên Giang	DYT	2,56	2,56		DYT	An Hòa

➤ **Công trình đã thực hiện xong một phần: 04 công trình**

Bảng 05: Công trình, dự án đã thực hiện xong một phần trong KHSDD năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đã thực hiện (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú
					Diện tích chuyển tiếp (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	Danh mục thu hồi		10,94	9,54	1,40			
1	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,05	0,03	0,02	ODT	Vĩnh Lạc	Đã có quyết định phê duyệt phương án. Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND thành phố Rạch Giá. Đã thực hiện thu hồi 0,03 ha
2	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	5,33	4,80	0,53	LUC: CLN:	Vĩnh Quang	Đã thu hồi 4,80 ha. Giao đất 4,80 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,53 ha
3	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	5,56	4,71	0,85	LUC CLN	Vĩnh Quang	Đã thu hồi được 4,71ha, Giao đất 4,71 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,85 ha
II	Danh mục chuyển mục đích		0,50	0,24	0,26			
4	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	TMD	0,50	0,24	0,26	LUC	Vĩnh Hiệp	Đã thực hiện chuyển mục đích 2.400 m2

➤ **Các công trình dự án hủy thực hiện: 12 công trình**

Bảng 06: Công trình, dự án hủy thực hiện trong KHSDD năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Nguyên nhân
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
I	Danh mục thu hồi		0,74	0,17	0,57				
1	Đường cấp kênh Tư Non	DGT	0,44	0,17	0,27	DTL: 0,11 ODT: 0,06 CLN: 0,1	Vĩnh Quang	2023	Không phù hợp quy hoạch
2	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	DVH	0,30	-	0,30	LUC	Phi Thông	2021	Không phù hợp quy hoạch
II	Danh mục chuyển mục đích		55,78	-	55,78				
3	Khu dân cư, nhà ở sĩ quan, cán bộ chiến sĩ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	ODT	5,87		5,87	CLN, HNK	Vĩnh Quang	2021	Quá hạn 3 năm
4	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1)	MNC	25,00		25,00	LUC: 23,36	Vĩnh Thông	2022	Theo Nghị quyết 118/NQ-UBND ngày 29/12/2022
5	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2)	MNC	22,80		22,8	LUC: 21,01	Vĩnh Thông	2022	Theo Nghị quyết 118/NQ-UBND ngày 29/12/2023
6	Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú)	TMD	0,57	-	0,57	LUC	Vĩnh Hiệp	2021	Quá hạn 03 năm
7	Dự án nhà ở thu nhập thấp đường Nguyễn Cư Trinh (Công ty CP. Phát triển nhà Kiên Giang)	ODT	1,54	-	1,54	LUC	Vĩnh Quang	2021	Quá hạn 03 năm
III	Danh mục Giao đất		0,31	0,31					
8	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang	TSC	0,31	0,31	-	TSC	Vĩnh Quang	2021	Dời vị trí kế CDC Kiên Giang
9	Văn phòng làm việc Cảng hàng không Rạch Giá- CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	TMD	0,04	0,04	-	TMD	Vĩnh Bảo	2021	Quá hạn 3 năm
IV	Danh mục đấu giá		0,03	0,03					
10	Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn)	ODT	0,03	0,03	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2021	Không còn nhu cầu
11	Khu dân cư làng Cầu Vòng	ODT	0,56	0,56	-	ODT	Vĩnh Quang	2021	Quá hạn 3 năm
12	Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ	ODT	0,03	0,03	-	SKC	Vĩnh Lợi	2021	Quá hạn 3 năm

➤ **Các công trình dự án chuyển tiếp:** 67 công trình (bao gồm 63 công trình chuyển tiếp và 04 công trình đã thực hiện xong 01 phần tiếp tục chuyển tiếp để thực hiện)

Bảng 07: Công trình, dự án chuyển tiếp thực hiện sang KHSĐĐ năm 2024

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
I	Thu hồi đất (25 DMCT)		58,23	26,64	31,59				
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	DGT	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi	2023	Đã có quyết định phê duyệt phương án
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	DGT	1,75	1,00	0,75	CLN	An Hòa	2023	Đã có quyết định phê duyệt phương án
3	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng)	DGT	1,63	0,70	0,93	CLN:0,05 ODT: 0,1 HNK: 0,15 DGD: 0,63	An Hòa	2023	Đã có quyết định phê duyệt phương án
4	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường		1,51	0,71	0,80		An Hòa	2022	Chuyển tiếp
		DCH	0,76	0,26	0,50	MNC	An Hòa		
		DGT	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa		
		ODT	0,24	0,10	0,14	CLN	An Hòa		
5	Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường)	ODT	1,49	0,6	0,89	CLN	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
6	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	DGT	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi	2024	- Tờ trình số 191/Ttr-UBND ngày 25/8/2023 của UBND TP. Rạch Giá v/v xin xử lý một số nội dung liên quan dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật TTTM Rạch Sỏi, bến xe tỉnh và Khu dân cư Châu Thành
7	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh	2022	Đang thực hiện

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
8	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh	2022	Đang thực hiện
9	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	0,53	-	0,53	LUC: 0,18 CLN: 0,35	Vĩnh Quang	2024	- Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư. - Đã thu hồi 4,80 ha. Giao đất 4,80 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,53 ha
10	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang	2023	Đang thực hiện
11	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang	2023	Đang thực hiện
12	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 CLN: 0,13 DKV: 0,02 DTL: 0,04	Vĩnh Quang	2023	Đang thực hiện
13	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,14	0,02	ODT	Vĩnh Lạc	2023	- Đã có quyết định phê duyệt phương án. Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND thành phố Rạch Giá, Đã thu hồi 0,03 ha
14	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc	2023	Chuyển tiếp
15	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh	2023	Chuyển tiếp
			3,14	0,48	2,66				

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
16	Cầu Giải phóng 9	DGT	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh	2023	- Điều chỉnh thiết kế - Công văn 126/BQL-TNV ngày 10/8/2023 của BQL dự án ĐTXD thành phố Rạch Giá - Nghị Quyết 02/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá. Diện tích điều chỉnh từ 1,72 lên 3,14 ha - Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
		DGT	0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp	2023	
		DGT	0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông	2023	
17	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp	2023	Chuyển tiếp
18	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	DVH	3,50	2,90	0,60	ODT: 0,2 CLN: 0,4	Vĩnh Thanh	2023	- Thông báo số 834-TB/VPTU ngày 11/11/2022 của Văn phòng tỉnh ủy Kiên Giang thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về đầu tư xây dựng một số dự án trên địa bàn thành phố Rạch Giá
19	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	0,85	-	0,85	LUC: 0,37 CLN: 0,48	Vĩnh Quang	2024	- Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư - Đã thu hồi được 4,71ha, Giao đất 4,71 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,85 ha
20	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	ODT	7,84		7,84	LUC: 4,7; CLN: 3,14	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
21	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh	2022	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
22	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
23	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,2	LUC	Vĩnh Hiệp	2022	Chuyển tiếp
24	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang	2022	Chuyển tiếp
25	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang	2022	Chuyển tiếp
II	Chuyển mục đích (13 DMCT)		58,23	0,15	58,08				
26	Khu dân cư Thái Bình	ODT	3,10		3,1	LUC	Vĩnh Quang	2022	- Thông báo số 1242/TB-VP ngày 24/11/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang thông báo Ý kiến kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền Dự án Khu dân cư Dương Minh Châu và Khu dân cư Thái Bình
27	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 2)	ODT	8,24		8,24	LUC: 8,02, CLN: 0,22	Vĩnh Quang	2022	Chuyển tiếp
28	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 3)	ODT	7,46		7,46	LUC: 6,97, CLN: 0,49	Vĩnh Quang	2022	Chuyển tiếp
29	Khu dân cư Dương Minh Châu	ODT	9,38		9,38	LUC: 6,43 CLN: 2,82 DTL: 0,13	Vĩnh Quang	2023	- Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về danh mục dự án, công trình phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang - Thông báo số 1242/TB-VP ngày 24/11/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang thông báo Ý kiến kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền Dự án Khu dân cư Dương Minh Châu và Khu dân cư Thái Bình.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
									Thông qua HĐND, Điều chỉnh năm đăng ký năm 2021 sang năm 2023
30	Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường)	ODT	0,39	-	0,39	TMD	An Hòa	2023	- Công văn số 18/2023/PCKG ngày 15/8/2023 của Công ty CP ĐT Phú Cường KG V/V đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án Trung tâm tài chính, dịch vụ thương mại, chung cư cao cấp tại lô TM3 năm 2024
31	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát	DGD	4,52		4,52	LUC: 4,51 DTL: 0,1	Vĩnh Thông	2022	- Nghị quyết 118/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 (Điều chỉnh danh mục trong Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 06/10/2021) - Điều chỉnh từ đất thương mại dịch vụ sang đất cơ sở giáo dục
32	CVCĐ1 thuộc Khu 1 -Phú Cường	DKV	0,22		0,22	TMD	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
33	CVCĐ2 thuộc Khu 2 -Phú Cường	DKV	0,20		0,20	TMD	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
34	CVCĐ3 thuộc Khu 2 -Phú Cường	DKV	0,20		0,20	TMD	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
35	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	TMD	0,62		0,62	DKV	An Hòa	2022	Công văn số 17 /2023/PCKG ngày 15/8/2023 của Công ty CP ĐT Phú Cường KG V/V đăng ký nhu cầu sử dụng đất
36	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát		9,90	-	9,90				
		ODT	8,99	-	8,99	LUC	Vĩnh Hiệp	2023	- Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về danh mục dự án, công trình phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thông qua HĐND, Điều chỉnh năm đăng ký năm 2020 sang năm 2023
		TMD	0,91	-	0,91	CLN	Vĩnh Hiệp		
37			9,56	0,15	9,41		Vĩnh Quang	2024	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	DGT	3,96	0,13	3,83	LUC: 3,54 DTL: 0,16 CLN: 0,13	Vĩnh Quang		Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư
		DKV	1,04	-	1,04	LUC: 0,94 CLN: 0,03 DGT : 0,07	Vĩnh Quang		
		DRA	0,27	0,02	0,25	LUC: 0,15 DGT: 0,1 ha	Vĩnh Quang		
		ODT	4,21	-	4,21	LUC: 3,78 DTL: 0,07 DGT: 0,09 CLN: 0,27	Vĩnh Quang		
		TMD	0,08	-	0,08	LUC	Vĩnh Quang		
			4,44	-	4,44		Vĩnh Hiệp		
38	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	DGT	2,32	-	2,32	LUC	Vĩnh Hiệp	2023	- Bổ sung chuyển mục đích diện tích đất lúa thêm 3,1 ha. - Quyết định 865/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết KDC, bãi đậu xe thành phố Rạch Giá và TT. Đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ phường Vĩnh Hiệp - Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất;
		DKV	0,65		0,65	LUC	Vĩnh Hiệp		
		ODT	0,95		0,95	LUC	Vĩnh Hiệp		
		DRA	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Hiệp		
		TMD	0,50	0,24	0,26	LUC	Vĩnh Hiệp		
III	Lấn biển (06 DMCT)		360,97	24,76	336,21				
39	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	ODT	27,97	-	27,97	MVB	An Hòa	2024	- Quyết định 1392/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao khu vực biển cho công ty cổ phần Phú Cường Hoàng
		TMD	3,21	-	3,21	MVB	An Hòa		
		DKV	9,98	-	9,98	MVB	An Hòa		

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
		DGT	24,37		24,37	MVB	An Hòa		Gia để thực hiện hoạt động lấn biển tại phường An Hòa thành phố tỉnh Kiên Giang
		DYT	0,40		0,40	MVB	An Hòa		
		DNL	0,06		0,06	MVB	An Hòa		
		DRA	0,55		0,55	MVB	An Hòa		
		DGD	2,14		2,14	MVB	An Hòa		
40	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	ODT	36,81	-	36,81	MVB	Rạch Sỏi	2022	Công văn số 16/CV/2023/PCHG ngày 14/8/2023 của Công TY CP Phú Cường Hoàng Gia V/v đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất trong năm 2024
		TMD	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi		
		DKV	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi		
		DGD	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi		
		DYT	0,69	-	0,69	MVB	Rạch Sỏi		
		DTT	0,64	-	0,64	MVB	Rạch Sỏi		
		DNL	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi		
		DGT	33,54	-	33,54	MVB	Rạch Sỏi		
41	Quản thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	DGT	0,56	-	0,56	MVB	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
		DVH	0,65	-	0,65	MVB	An Hòa		
		TMD	0,96	-	0,96	MVB	An Hòa		
42	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	DGT	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa	2023	Công văn số 14 /2023/PCKG ngày 15/8/2023 của Công ty CP ĐT Phú Cường KG V/V đăng ký nhu cầu sử dụng đất
		DKV	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa		
		DRA	0,49		0,49	MVB	An Hòa		
		ODT	2,50	2,50	-	ODT	An Hòa		
		TMD	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa		
43	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	DGD	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang	2023	Chuyển tiếp
		DGT	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang		
		DHT	9,68		9,68	MVB	Vĩnh Quang		
		DKV	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Quang		
		TMD	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang		

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
		ODT	34,75		34,75	MVB	Vĩnh Quang		
44	Cụm Công Viên Lạc Hồng	DGT	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc	2023	Chuyển tiếp
		TSC	26,10		26,10	MVB	Vĩnh Lạc		
		DKV	12,60	5,36	7,24	MVB	Vĩnh Lạc		
		ODT	17,93	2,13	15,80	MVB	Vĩnh Lạc		
		TMD	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc		
		DSH	0,01	0,01		DSH	Vĩnh Lạc		
		ODT	16,50		16,50	MVB	Vĩnh Bảo		
		DGT	1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Bảo		
		DKV	3,21	2,31	0,90	DKV	Vĩnh Bảo		
IV	Giao đất (14 DMCT)		19,58	18,28	1,30				
45	Trường Mầm non Hoa Sen	DGD	0,43		0,43	LUC; ODT, CLN	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
46	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá		6,35	6,35	-				
		DGT	2,66	2,66	-	DGT	Vĩnh Quang	2024	Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư
		DKV	0,27	0,27	-	DKV	Vĩnh Quang		
		DRA	0,02	0,02	-	DTL	Vĩnh Quang		
		ODT	3,40	3,40	-	LUC: 1,24	Vĩnh Quang		
47	Khu dân cư Nam An Hòa	ODT	1,41	1,41	-	LUC: 0,08	An Hòa	2024	Báo cáo số 21/BCTTPTQĐ ngày 28/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kiên Giang về tình hình bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư Nam An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
48	Viện Kiểm sát nhân dân TPRG	TSC	0,21	0,21		TSC	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
49	Thông Tấn xã Khu vực phía Nam	TSC	0,03	0,03		TSC	An Bình	2022	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
50	Đội phòng cháy chữa cháy	CAN	0,87	0,87		CAN	Vĩnh Quang	2023	Chuyển tiếp
51	Công an tỉnh Kiên Giang	CAN	8,46	8,46	-	CAN	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
52	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới)	TSC	0,35	0,35		TSC	Vĩnh Thông	2023	Chuyển tiếp
53	Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi	DVH	0,26		0,26	HNK	Rạch Sỏi	2023	Chuyển tiếp
54	Trụ sở Khu phố 7	DSH	0,02		0,02	HNK	Rạch Sỏi	2023	Chuyển tiếp
55	BCH quân sự phường Rạch Sỏi	TSC	0,47		0,47	LUC	Rạch Sỏi	2023	Chuyển tiếp
56	BCH quân sự phường Vĩnh Lợi	TSC	0,09		0,09	CLN	Vĩnh Lợi	2023	Chuyển tiếp
57	Trụ sở Khu phố 3	DSH	0,01		0,01	CLN	An Bình	2023	Chuyển tiếp
58	Trụ sở Khu phố 8	DSH	0,02		0,02	CLN	An Hòa	2023	Chuyển tiếp
V	Đấu giá quyền sử dụng đất (9 DMCT)		8,86	8,35	0,51				
59	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	ODT+TMD	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang	2022	Thông báo số 838/TB-VP ngày 14/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân
60	Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung)	ODT	0,25	0,25		CLN	Vĩnh Quang	2022	Chuyển tiếp
61	Công ty CP Classic Mode (Việt Nam)	ODT	0,48	0,48		SKC	An Hòa	2022	Chuyển tiếp
62	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	ODT+TMD	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang	2024	Thông báo số 838/TB-VP ngày 14/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân
63	01 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,09	0,09		CAN	Vĩnh Thanh Vân	2024	Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
									khởi điểm Giá khởi điểm: 3.418.000.000 đồng
64	04 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,16	0,16		CAN	Vĩnh Thanh	2024	- Công văn số 966/TTg-CN ngày 18/10/2022 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc Bộ Công An quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. - Quyết định số 2429/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 về việc chuyển giao 06 cơ sở nhà, đất thuộc Bộ Công an quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang về UBND tỉnh Kiên Giang quản lý, xử lý
65	Câu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	ODT	0,27	0,27		TSC	An Hòa	2024	Biên bản số 134/BB-STC ngày 14/11/2023 của Sở tài Chính v/v hợp thống nhất số liệu thu tiền sử dụng đất, thuê đất giai đoạn 2023-2025 đề trình HĐND tỉnh cuối năm
66	Đầu giá trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm phụ)	ODT	0,03		0,03	DGD	Rạch Sỏi	2023	Chuyển tiếp
67	Đầu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang	ODT	0,48		0,48	SKC	Vĩnh Quang	2023	Chuyển tiếp

❖ Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân ước tính đến tháng 12/2023:

Bảng 08: Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trong KHSDĐ năm 2023

STT	Phường/xã	CLN	LUC	HNK	Tổng
		Chuyển sang đất ODT/ONT			
1	Phường An Bình	0,17	0,05		0,22
2	Phường An Hòa	0,05	0,05		0,10
3	Phường Rạch Sỏi	0,14	0,05		0,19
4	Phường Vĩnh Lợi	0,15	0,12		0,27
5	Phường Vĩnh Lạc	0,08			0,08
6	Phường Vĩnh Hiệp	0,21	0,60	0,02	0,83
7	Phường Vĩnh Quang	0,05	0,25		0,30
8	Phường Vĩnh Thông	0,1	0,30		0,40
	Tổng	0,95	1,42	0,02	
9	Xã Phi Thông	0,1	0,25		0,35

**** ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023**

Bảng 09: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023	Diện tích dự kiến 12/2023 (ha)	So sánh KQTH/KH		Kết quả thực hiện		
						Cao (+) Thấp (-)	Tỷ lệ (%)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)* 100/(5)	9)=(5)-(4)	(10)=(6)-(4)	(11)=(10)* 100/(9)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.445,67	10.802,39	10.466,18	-336,21	96,89	356,72	20,51	5,75
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.080,19	6.895,37	7.064,46	169,09	102,45	-184,82	-15,73	8,51
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.349,33	3.896,98	3.385,57	-511,41	86,88	547,65	36,24	6,62
3	Đất chưa sử dụng	CSD	16,15	10,04	16,15	6,11	160,83	-6,11		

➤ **Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đạt được như sau:**

Tổng diện tích tự nhiên năm 2022 của thành phố Rạch Giá là 10.445,67 ha, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt là 10.802,39 ha, tăng 356,72 ha so với hiện trạng. Kết quả ước tính đến tháng 12/2023 diện tích tự nhiên của thành phố Rạch Giá là 10.466,18 ha, tăng 20,51 ha (đã thực hiện xong dự án Cải hành khách Rạch Giá) thấp hơn 336,21 ha; đạt 5,75% so với kế hoạch được duyệt. (Ngoài ra, còn có dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi đã và đang thực hiện phần san lấp mặt bằng nhưng chưa thống kê vào tăng diện tích tự nhiên do dự án đang được tiếp tục triển khai thực hiện phần cơ sở hạ tầng). Các dự án lấn biển còn lại đang tiếp tục thực hiện.

A. Đất nông nghiệp

Bảng 10: Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023	Diện tích dự kiến 12/2023 (ha)	So sánh KQTH/KH		Kết quả thực hiện		
						Cao(+) Thấp(-)	Tỷ lệ (%)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)*100/(5)	9)=(5)-(4)	(10)=(6)-(4)	(11)=(10)*100/(9)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.445,67	10.802,39	10.466,18	-336,21	96,89	356,72	20,51	5,75
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.080,19	6.895,37	7.064,46	169,09	102,45	-184,82	-15,73	8,51
	<i>Trong đó:</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.709,39	5.566,15	5.699,25	133,11	102,39	-143,25	-10,14	7,08
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.709,39	5.566,15	5.699,25	133,11	102,39	-143,25	-10,14	7,08
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	147,83	143,72	147,81	4,09	102,85	-4,11	-0,02	0,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.197,86	1.152,45	1.192,29	39,85	103,46	-45,42	-5,57	12,26
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,57	20,57		100,00			
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	12,49	4,54	-7,95	36,35	7,95		

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt, đất nông nghiệp có diện tích là 6.895,37 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 7.064,46 ha, cao hơn 169,09 ha, đạt tỷ lệ 102,45% và cao hơn 2,45% so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất nông nghiệp cần thực hiện giảm trong năm 2023 để chuyển sang đất phi nông nghiệp là 184,82 ha. Kết quả ước tính đến tháng 12/2023, thực hiện giảm 15,73 ha, đạt tỷ lệ **8,51%** so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, cụ thể như sau:

- **Đất trồng lúa:** Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa được duyệt năm 2023 là 5.566,15 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 5.699,25 ha, cao hơn 133,11 ha, đạt tỷ lệ 102,39%, cao hơn 2,39% so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất trồng lúa cần thực hiện giảm 143,25 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp như đất giao thông, đất ở đô thị, đất ở nông thôn, đất phát triển hạ tầng..., kết quả ước tính đến tháng 12/2023 thực hiện giảm 10,14 ha, đạt tỷ lệ 7,08% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 143,72 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 147,81 ha, cao hơn 4,09 ha, đạt tỷ lệ 102,85%, cao hơn 2,85% so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất trồng cây hàng năm khác cần giảm 4,11 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 giảm 0,02 ha, đạt tỷ lệ 0,49% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 1.152,45 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 1.192,29 ha, cao hơn 39,85 ha, đạt

tỷ lệ 103,46% và cao hơn 3,46% so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất trồng cây lâu năm cần giảm 45,42 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2023, giảm 5,57 ha, đạt tỷ lệ 12,26% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 20,57 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 20,57 ha, đạt so với kế hoạch đề ra.

- **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 12,49 ha, tăng 7,95 ha so với hiện trạng 2022. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 4,54 ha không tăng so với hiện trạng. Không đạt so với kế hoạch được duyệt do các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác chưa được chấp thuận do vị trí chuyển mục đích chưa phù hợp với quy hoạch.

B. Đất phi nông nghiệp

Bảng 11: Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Thứ tự	Chi tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023	Diện tích dự kiến 12/2023 (ha)	So sánh KQTH/KH		Kết quả thực hiện		
						Cao(+) Thấp(-)	Tỷ lệ (%)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)*100/(5)	9)=(5)-(4)	(10)=(6)-(4)	(11)=(10)*100/(9)
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.349,33	3.896,98	3.385,57	-511,41	86,88	547,65	36,24	6,62
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31	17,31		100,00			-
2.2	Đất an ninh	CAN	26,87	26,62	26,87	0,25	100,94	-0,25		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	45,77	62,08	46,01	-16,07	74,11	16,31	0,24	1,47
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	37,57	38,21	0,64	101,70	-0,64		
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.210,21	1.385,57	1.239,66	-145,91	89,47	175,36	29,45	16,79
	<i>Trong đó:</i>			9,68						
-	Đất giao thông	DGT	837,65	979,13	866,24	-112,89	88,47	141,48	28,59	20,21
-	Đất thủy lợi	DTL	185,35	183,69	184,78	1,09	100,59	-1,66	-0,57	34,34
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,13	20,14	18,34	-1,80	91,06	2,01	0,21	10,45
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	22,54	23,63	22,54	-1,09	95,39	1,09		

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023	Diện tích dự kiến 12/2023 (ha)	So sánh KQTH/KH		Kết quả thực hiện		
						Cao(+) Thấp(-)	Tỷ lệ (%)	KH/HT tăng (+) giảm (-)	KQTH/HT tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	75,90	90,38	76,58	-13,80	84,73	14,48	0,68	4,70
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,86	16,50	15,86	-0,64	96,12	0,64		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,52	2,33	2,06	-0,27	88,42	0,81	0,54	66,67
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,73	1,73	1,73		100,00			
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG								
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,25	0,25	0,25		100,00			
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,11	1,42	0,11	-1,31	7,43	1,31		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,48	20,44	20,48	0,04	100,20	-0,04		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	20,63	25,75	20,63	-5,12	80,11	5,12		
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,07	0,07	0,07		100,00			
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH								
-	Đất chợ	DCH	10,00	10,44	10,00	-0,44	95,79	0,44		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28	1,33	1,28	-0,05	96,23	0,05		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	101,38	146,12	101,57	-44,55	69,51	44,74	0,19	0,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	111,70	116,70	112,15	-4,55	96,10	5,00	0,45	9,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.300,43	1.531,66	1.306,43	-225,23	85,30	231,23	6,00	2,59
2.15	Đất trụ sở cơ quan	TSC	20,45	49,68	20,45	-29,23	41,16	29,23		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,67	9,67	9,67		100,00			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.17	Đất tín ngưỡng	TIN	6,17	6,32	6,17	-0,15	97,63	0,15		
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,66	443,83	444,57	0,74	100,17	-0,83	-0,09	10,84
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,72	60,02	12,72	-47,30	21,20	47,30		
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51	2,51		100,00			

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt, đất phi nông nghiệp có diện tích là 3.896,98 ha, kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 3.385,57 ha, thấp hơn 511,41 ha, đạt tỷ lệ 86,88% so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất phi nông nghiệp cần thực hiện tăng 547,65 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 36,24 ha, đạt tỷ lệ 6,62% so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện chưa đạt do chưa thực hiện 06 dự án lấn biển và 61 danh mục công trình dự án đang được tiếp tục triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 17,31 ha, sử dụng ổn định so với năm 2022, đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 26,62 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 26,87 ha, cao hơn 0,25 ha, đạt tỷ lệ 100,94% so với kế hoạch.

Thực tế, diện tích đất an ninh cần giảm 0,25 ha để chuyển sang đất ở đô thị, nhưng chưa thực hiện, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa đấu giá xong 05 khu đất của công an tỉnh tại phường Vĩnh Thanh (0,16ha) và phường Vĩnh Thanh Vân (0,09ha).

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 62,08 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 là 46,01 ha, thấp hơn 16,07 ha, đạt tỷ lệ 74,11 % so với kế hoạch được duyệt.

Thực tế, diện tích đất thương mại, dịch vụ cần thực hiện tăng 16,31 ha, kết quả ước tính đến tháng 12/2023 thực hiện tăng 0,24 ha, đạt tỷ lệ 1,47% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: thực hiện tăng 0,24 ha do chuyển mục một phần dự án (Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ). Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ còn lại là 16,07 ha chưa được thực hiện.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 37,57 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 38,21 ha, không biến động so với hiện trạng, cao hơn 0,64 ha so với kế hoạch, không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa đấu giá xong dự án Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ, Công ty CP Classic Mode (Việt Nam), Đấu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang và dự án Cầu Giải phóng 9 chuyển sang đất ở đô thị.

- **Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 1.385,57 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 1.239,66 ha, thấp hơn 145,91 ha, đạt tỷ lệ 89,47%.

Thực tế, diện tích đất phát triển hạ tầng cần thực hiện tăng 175,36 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 29,45 ha, đạt tỷ lệ 16,79% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 979,13 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 866,24 ha, thấp hơn 112,89 ha, đạt tỷ lệ 88,47%.

Thực tế, diện tích đất giao thông trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cần thực hiện tăng 141,48 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 28,59 ha, đạt tỷ lệ 20,21%. Nguyên nhân:

- Công trình, dự án đã thực hiện xong:

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	0,36		0,36	LUC CLN	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
2	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
3	Cảng hành khách Rạch Giá	34,96	14,45	20,51	MVB	Vĩnh Thanh
4	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	5,21		4,80	LUC, CLN	Vĩnh Quang
5	Đường Huỳnh Mãn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	0,05		0,03	ODT	Vĩnh Lạc
Tổng:				26,59		

Ngoài ra, còn thực hiện 2,00 ha đất giao thông do mở rộng, nâng cấp cải tạo các tuyến đường dân cư nông thôn, lộ nông thôn trên nền đất hiện hữu tại xã Phi Thông (Đường Hồ Đắc Di, Đường Tà Kéo - Tà Keo...) và phường Vĩnh Thông (Đường Mạc Thiên Tích, đường Nguyễn Văn Tư, đường Phan Văn Hớn...).

- Các dự án giao thông còn lại có diện tích là 112,89 ha chưa thực hiện (Các tuyến đường giao thông thuộc các dự án lấn biển, các dự án khu dân cư, Cầu giải phóng 9, ...).

+ **Đất thủy lợi:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 183,69 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 184,78 ha, cao hơn 1,09 ha, đạt tỷ lệ 100,59%.

Thực tế, diện tích đất thủy lợi cần thực hiện giảm 1,66 ha để chuyển sang thực hiện các dự án, kết quả đến tháng 12/2023 thực hiện giảm 0,57 ha, đạt tỷ lệ 34,34% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân:

- Đã thực hiện chuyển đất thủy lợi 0,57 ha sang đất ở thuộc dự án Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư).
- Chưa thực hiện 1,09 ha chuyển sang các dự án Khu dân cư Dương Minh Châu, Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá, Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1) và Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 20,14 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 18,34 ha thấp hơn 1,80 ha, đạt tỷ lệ 91,06%.

Thực tế, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa cần thực hiện tăng 2,01 ha, kết quả thực hiện tháng 12/2023 thực hiện tăng 0,21 ha, đạt tỷ lệ 10,45% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân:

- Đã thực hiện xong dự án Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm 0,21ha.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	DVH	0,21	-	0,21	LUC	Phi Thông

- Chưa thực hiện 1,80 ha thuộc 04 dự án Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn, Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia, Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi và phần còn lại của Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 23,63 ha, hiện trạng năm 2022 là 22,54 ha, tăng 1,09 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 22,54 ha, không biến động, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa thực hiện đất y tế thuộc 02 dự án lấn biển Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 90,38 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 76,58 ha, thấp hơn 13,80 đạt, tỷ lệ 84,73%.

Thực tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo cần thực hiện tăng 14,48 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 0,68 ha, đạt tỷ lệ 4,70% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân:

- Công trình, dự án đã thực hiện xong:

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng)	DGD	0,68	-	0,68	CLN	Vĩnh Quang
2	Trường Mẫu giáo Hướng Dương - Khu tái định cư An Hòa	DGD	0,39	0,39	-	DGD	An Hòa
3	Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang	DGD	0,46	0,46	-	DGD	Vĩnh Quang
Tổng:					0,68		

- Chưa thực hiện 13,80 ha 05 dự án: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát, Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi, Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2), Trường Mầm non Hoa Sen.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 16,50 ha, tăng 0,64 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 là 15,86 ha không biến động, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa thực hiện xây dựng cơ sở thể dục, thể thao thuộc dự án Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ **Đất công trình năng lượng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 2,33 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 2,06 ha, thấp hơn 2,07 ha, đạt tỷ lệ 88,42%.

Thực tế, đất công trình năng lượng cần thực hiện tăng 0,81 ha, kết quả đến tháng 12/2023 thực hiện tăng 0,54 ha, đạt tỷ lệ 66,67% so với kế hoạch được duyệt.

- Đã thực hiện xong 0,54 ha

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp phường/xã)	
1	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	DNL	0,16		0,16	LUC	Vĩnh Quang
		DNL	0,13		0,25	LUC	Vĩnh Thông
		DNL	0,25		0,13	LUC	Vĩnh Hiệp
	Tổng:				0,54		

- Chưa thực hiện 0,27 ha 03 dự án: Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn, công trình năng lượng thuộc dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi .

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải** : Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 1,42 ha, hiện trạng năm 2022 là 0,11 ha, tăng 1,31 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 0,11 ha, không biến động so với năm 2022, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các dự án xử lý nước thải trong các dự án khu dân cư đăng ký trong năm 2023.

+ **Đất cơ sở tôn giáo**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 20,44 ha, hiện trạng năm 2022 là 20,48 ha, giảm 0,04 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 20,48 ha, không biến động so với năm 2022, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa chuyển 0,04 ha diện tích đất cơ sở tôn giáo sang đất giao thông (Cầu Giải phóng 9).

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 25,75 ha, hiện trạng năm 2022 là 20,63 ha, tăng 5,12 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 20,63 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang.

+ **Đất chợ**: Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 là 10,44 ha, hiện trạng năm 2022 là 10,0 ha, tăng 0,44 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 10,0 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện xong dự án chợ An Hòa.

Trong nhóm đất phát triển hạ tầng các loại đất còn lại như: Đất công trình bưu chính viễn thông, đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất cơ sở nghiên cứu khoa học sử dụng ổn định trong năm 2023.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 1,33 ha, hiện trạng năm 2022 là 1,28 ha, tăng 0,05 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 1,28 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân các dự án: Trụ sở Khu phố 7, Trụ sở Khu phố 3, Trụ sở Khu phố 8 chưa thực hiện.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 146,12 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2023 là 101,57 ha, thấp hơn 44,55 ha đạt tỷ lệ 69,51%.

Thực tế, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng cần thực hiện tăng 44,74 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 0,19 ha đạt tỷ lệ 0,42%. Nguyên nhân đã thực hiện xong dự án Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ấn) 0,19 ha. Các công trình dự án đất khu vui chơi, giải

trí công cộng còn lại 44,55 ha chủ yếu trong các dự án lấn biển chưa thực hiện xong trong năm 2023.

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 116,70 ha, Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 112,15 ha, thấp hơn 4,55 ha, đạt tỷ lệ 96,10% so với kế hoạch.

Thực tế, diện tích đất ở nông thôn cần thực hiện tăng 5,0 ha, kết quả đến tháng 12/2023 thực hiện tăng 0,45 ha, đạt tỷ lệ 9,0%. Nguyên nhân do hộ gia đình cá nhân chưa thực hiện hết việc chuyển mục đích sử dụng đất ở theo nhu cầu đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 1.531,66 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 1.306,43 ha, thấp hơn 225,23 ha, đạt tỷ lệ 85,30% so với kế hoạch.

Thực tế, diện tích đất ở tại đô thị cần thực hiện tăng 231,23 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 tăng 6,0 ha), đạt tỷ lệ 2,59% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân:

+ Đã thực hiện một phần dự án Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư) 4,71 ha và chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên toàn địa bàn thành phố Rạch Giá.

+ Chưa thực hiện các dự án lấn biển, khu dân cư, khu tái định trên địa bàn thành phố đang được triển khai thực hiện nhưng chưa thực hiện xong. Diện tích đất ở đô thị giảm 0,49 ha do bị thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông và đất công trình Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến.

Ngoài ra, chỉ tiêu đất ở đô thị thực hiện thấp do trong năm 2023 việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị của hộ gia đình cá nhân phần lớn không thực hiện được do chưa thực hiện đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích trong năm 2023, mặc dù đã đăng ký bổ sung nhu cầu chuyển mục đích giữa năm 2023 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 49,68 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 20,45 ha không biến động so với hiện trạng sử dụng đất, không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện các công trình, dự án như: đất trụ sở cơ quan thuộc dự án Cụm Công Viên Lạc Hồng, Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, Tòa án tỉnh Kiên Giang, Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang, Trụ sở làm việc chung các Hội....

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 9,67 ha. Kết quả thực hiện sử dụng ổn định đạt 100% so với kế hoạch đề ra.

- **Đất tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 6,32 ha, hiện trạng năm 2022 là 6,17 ha, tăng 0,15 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 6,17 ha, không biến động không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện mở rộng đình Nguyễn Trung Trực-phường Vĩnh Thanh.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 443,83 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 444,57 ha, cao hơn 0,74 ha, đạt tỷ lệ 100,17%.

Thực tế, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cần thực hiện giảm 0,83 ha, kết quả thực hiện đến tháng 12/2023, giảm 0,09 ha, đạt tỷ lệ 10,84% so với kế hoạch được

duyet. Nguyên nhân:

- Đã thực hiện chuyển 0,09 ha sang công trình Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân).
- Chưa thực hiện phần diện tích đất sông 0,74 ha chuyển sang đất giao thông (thuộc dự án Cầu Giải phóng 9)

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 60,02 ha, hiện trạng năm 2022 là 12,27 ha, tăng 47,30 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 12,72 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện dự án mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá-phường Vĩnh Thông.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 2,51 ha. Kết quả thực hiện sử dụng ổn định, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

C. Đất chưa sử dụng:

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2023 là 10,04 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2023 là 16,15 ha, cao hơn 6,11 ha so với kế hoạch, diện tích đất chưa sử dụng không biến động so với hiện trạng, không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện đưa đất bằng vào sử dụng cho dự án Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12).

2.2 Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đánh giá kết quả thực hiện 91 công trình trong năm 2023 (bao gồm 90 công trình trong kế hoạch 2023 được phê duyệt và bổ sung 01 công trình giao đất). Cụ thể:

❖ **Đối với danh mục thu hồi đất:** 32 danh mục công trình

- Danh mục đã thực hiện xong: 05 công trình

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	DGT	0,36		0,36	LUC:0,32 CLN: 0,04	Vĩnh Quang
2	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	DGT	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
3	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	DNL	0,16		0,16	LUC	Vĩnh Quang
		DNL	0,13		0,25	LUC	Vĩnh Thông
		DNL	0,25		0,13	LUC	Vĩnh Hiệp
4	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	DVH	0,21	-	0,21	LUC	Phi Thông
5	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,19		0,19	SON: 0,09 ODT: 0,08 CLN: 0,02	Vĩnh Bảo

- Danh mục công trình hủy thực hiện: 02 công trình

1. Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn 0,3 ha
2. Đường cặp kênh Tư Non 0,27 ha

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2021: 03 danh mục công trình quá hạn 3 năm đề nghị chuyển tiếp thực hiện*

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSDĐ quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi	Tờ trình số 191/Ttr-UBND ngày 25/8/2023 của UBND TP. Rạch Giá v/v xin xử lý một số nội dung liên quan dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật TTMT Rạch Sỏi, bến xe tỉnh và Khu dân cư Châu Thành
2	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	5,21		5,21	LUC: 2,51 CLN: 2,51 DTL: 0,19	Vĩnh Quang	Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư Đã thu hồi 4,80 ha. Giao đất 4,80 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,53 ha. Thông qua HĐND phân diện tích chưa thu hồi, điều chỉnh năm đăng ký 2021 sang năm 2024
3	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	6,03		6,03	LUC: 4,34 CLN: 1,4 DTL: 0,38	Vĩnh Quang	Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư Đã thu hồi được 4,71ha, Giao đất 4,71 ha và chuyển tiếp thực hiện thu hồi 0,85 ha Thông qua HĐND, Điều chỉnh năm đăng ký năm 2021 sang năm 2024

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2022, 2023 chuyển tiếp: 22 danh mục công trình. Trong đó:*

+ 03 danh mục công trình gồm Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng): đã phê duyệt phương án tuy nhiên còn vướng một số hộ đang thực hiện là phương án bổ sung.

+ 19 danh mục công trình gồm: Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường), Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch), Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm), Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển), Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình), Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển), Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng), Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú), Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh), Cầu Giải phóng 9, Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn, Đền tưởng niệm người có công

trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2), Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực, Trụ sở làm việc chung các Hội, Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, Tòa án tỉnh Kiên Giang, Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang, đang tiếp tục triển khai thực hiện.

❖ **Đối với danh mục chuyển mục đích:** 18 danh mục công trình

- *Danh mục công trình hủy thực hiện:* 05 công trình:

1. Khu dân cư, nhà ở sĩ quan, cán bộ chiến sĩ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang
2. Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1)
3. Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2)
4. Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú)
5. Dự án nhà ở thu nhập thấp đường Nguyễn Cư Trinh (Công ty CP. Phát triển nhà Kiên Giang) - quá hạn 03 năm

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2021:* 02 danh mục công trình quá hạn 03 năm chuyển tiếp thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSDD quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Khu dân cư Dương Minh Châu	9,38		9,38	LUC: 6,43 CLN: 2,82 DTL: 0,13	Vĩnh Quang	Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về danh mục dự án, công trình phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang "Thông báo số 1242/TB-VP ngày 24/11/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang thông báo ý kiến kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền Dự án Khu dân cư Dương Minh Châu và Khu dân cư Thái Bình. Thông qua HĐND, Điều chỉnh năm đăng ký năm 2021 sang năm 2023
2	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	9,56	0,15	9,41		Vĩnh Quang	Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2022, 2023 chuyển tiếp:* 11 danh mục công trình gồm Khu dân cư Thái Bình, Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 2), Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 3), Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường), Trung tâm

đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát CVCĐ1 thuộc Khu 1 - Phú Cường, CVCĐ2 thuộc Khu 2 - Phú Cường, CVCĐ3 thuộc Khu 2 - Phú Cường, TM8 thuộc Khu 2 - Phú Cường, Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát, Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ tiếp tục triển khai thực hiện.

❖ **Đối với danh mục giao đất:** 22 danh mục công trình

- *Danh mục đã thực hiện xong:* 06 công trình

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng)	DGD	0,68	-	0,68	CLN	Vĩnh Quang
2	Trường Mẫu giáo Hướng Dương- Khu tái định cư An Hòa	DGD	0,39	0,39		DGD	An Hòa
3	Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang	DGD	0,46	0,46		DGD	Vĩnh Quang
4	Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG	NKH	2,27	2,27		NKH	Vĩnh Thông
5	Bệnh viện sản nhi tỉnh Kiên Giang	DYT	2,56	2,56		DYT	An Hòa
6	Khu tái định cư Cầu Suối	ODT	0,35	0,35		ODT	Vĩnh Quang

- *Danh mục hủy thực hiện:* 02 danh mục công trình

1. Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang

2. Văn phòng làm việc Cảng hàng không Rạch Giá - CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam- CTCP

- *Danh mục đăng ký năm 2021:* 02 danh mục công trình quá hạn 03 năm chuyển tiếp thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSDD quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	6,35	6,35			Vĩnh Quang	Báo cáo số 128/BC-TVĐTXD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang báo cáo về tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư Điều chỉnh năm 2021 sang năm 2024
2	Khu dân cư Nam An Hòa	1,41	1,41	-	LUC: 0,08	An Hòa	Báo cáo số 21/BCTTPTQĐ ngày 28/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kiên Giang về tình hình bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSDD quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
							Khu dân cư Nam An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang,

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2022, 2023 chuyển tiếp:* 12 danh mục công trình gồm: Công an tỉnh Kiên Giang, Trường Mầm non Hoa Sen, Viện Kiểm sát nhân dân TPRG, Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới), Đội phòng cháy chữa cháy, Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi, Trụ sở Khu phố 7, BCH quân sự phường Rạch Sỏi, BCH quân sự phường Vĩnh Lợi, Trụ sở Khu phố 3, Trụ sở Khu phố 8, Thông tấn xã Khu vực phía Nam đang tiếp tục thực hiện thủ tục về đất đai.

❖ **Đối với danh mục đấu giá quyền sử dụng đất:** 12 danh mục công trình

- *Danh mục hủy thực hiện:* 03 danh mục hủy thực hiện đấu giá trong năm 2024 gồm:

1. Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn)
2. Khu dân cư làng Cầu Vòng
3. Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ.

- *Danh mục đăng ký năm 2021:* 04 danh mục công trình quá hạn 03 năm chuyển tiếp thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSDD quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang	Thông báo số 838/TB-VP ngày 14/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân
2	01 khu đất Công an tỉnh	0,01	0,01		CAN	Vĩnh Thanh Vân	Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về giá khởi điểm Giá khởi điểm: 3.418.000.000 đồng
3	04 khu đất Công an tỉnh	0,15	0,15		CAN	Vĩnh Thanh	Công văn số 966/TTg-CN ngày 18/10/2022 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc Bộ Công An quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang Quyết định số 2429/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 về việc chuyển giao 06 cơ sở nhà, đất thuộc Bộ Công an quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang về

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Ghi chú (Công trình, dự án ĐK KHSĐĐ quá hạn 3 năm)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
							UBND tỉnh Kiên Giang quản lý, xử lý
4	Cầu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	0,27	0,27		TSC	An Hòa	Biên bản số 134/BB-STC ngày 14/11/2023 của Sở tài Chính v/v hợp thống nhất số liệu thu tiền sử dụng đất, thuê đất giai đoạn 2023-2025 để trình HĐND tỉnh cuối năm

- *Danh mục công trình đăng ký năm 2022, 2023 chuyển tiếp:* 05 công trình gồm: Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12), Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung), Công ty CP Classic Mode (Việt Nam), Đấu giá trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm phụ), Đấu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang đang tiếp tục triển khai thực hiện.

*** Đối với danh mục dự án lấn biển:** 07 danh mục công trình

- Dự án Cảng hành khách Rạch Giá 20,51 ha đã thực hiện xong.

- Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải): thực hiện xong phần san lấp mặt bằng chưa cập nhật tăng diện tích tự nhiên.

- 05 dự án gồm: Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi, Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia, Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường, Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2), Cụm Công Viên Lạc Hồng đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Nhìn chung, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn thành phố, nhất là trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt người có nhu cầu sử dụng đất chậm thực hiện thủ tục về đất đai nhất là trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số lượng công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất khá nhiều trong khi nguồn vốn, ngân sách bố trí đầu tư và các công trình dự án hạn chế, không đủ để triển khai đồng loạt các hạng mục đã đăng ký.

- Một số công trình, dự án triển khai thực hiện dự án kéo dài (nhất là các dự án lớn như: 06 dự án lấn biển, các khu dân cư, khu tái định cư, tuyến dân cư, Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), ... chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch do thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng kéo dài. Từ đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất 2023 được duyệt.

- Số lượng công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất thực hiện thu hồi đất theo các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh và các danh mục công trình, dự án do các phòng, ban, ngành của huyện và UBND các xã, phường đăng ký khá nhiều nhưng đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

- Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất ở thực hiện chưa cao do phải phụ thuộc vào khả năng về tài chính vào từng thời điểm của hộ gia đình, cá nhân hoặc một số nơi người sử dụng đất muốn chuyển mục đích nhưng vị trí đất cần chuyển không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 phần lớn được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở chuyển tiếp các hạng mục công trình kế sử dụng đất năm 2022, một số hạng mục đăng ký mang tính định hướng dài hạn.

- Một số hạng mục công trình đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt do thiếu hụt nguồn vốn dẫn đến nhiều danh mục công trình được dự kiến thực hiện nhưng không thể xây dựng được.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế chưa nắm sát nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) các dự án mặc dù được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo UBND thành phố Rạch Giá, sự phối hợp của các ban ngành chức năng, công tác tuyên truyền đạt được nhiều kết quả tốt... Tuy nhiên công tác bồi thường, GPMB vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt việc xây dựng giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất thường thấp hơn giá thị trường, chưa đáp ứng được nguyện vọng của người dân. Đây cũng là một trong những khó khăn lớn dẫn đến chậm trễ tiến độ công tác giải phóng mặt bằng các dự án.

- Một số công trình, dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất nhưng chỉ chú trọng hoàn thành về việc đầu tư xây dựng cơ bản, chưa quan tâm đến các thủ tục đất đai. Đánh giá mức độ hoàn thành của các công trình dự án phụ thuộc vào thủ tục, pháp lý nên một số công trình mặc dù đã được hoàn thiện nhưng về mặt pháp lý (Quyết định giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất) chưa được ban hành thì vẫn đánh giá công trình chưa hoàn thành.

- Còn nhiều dự án sử dụng vốn doanh nghiệp, chủ đầu tư chỉ đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất, nhưng chưa liên hệ với UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường để triển khai thực hiện đã làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trong năm.

- Việc xác định nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân còn nhiều khó khăn do một số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa hiểu được tầm quan trọng của việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, nên chưa chủ động trong việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, chỉ đến khi vướng mắc trong thủ tục mới liên hệ bổ sung.

- Các dự án lấn biên thời gian thực hiện kéo dài ảnh hưởng đến kết quả đánh giá thực hiện.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn phần lớn do thiếu ngân sách thực hiện các thủ tục về đất đai.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1 Chỉ tiêu sử dụng đất

Để xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực thực hiện trong năm 2024, căn cứ theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại quyết định 327/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thành phố, nhu cầu sử dụng đất của Hộ gia đình cá nhân; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2024 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

- Danh mục công trình chuyển tiếp: 67 công trình *(Kèm phụ lục 03)*
- Danh mục công trình đăng ký mới: 25 công trình

Tổng danh mục công trình dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 92 công trình trong đó:

Bảng 12: Danh mục công trình thực hiện trong Kế hoạch SDĐ năm 2024

STT	Công trình	Chuyển tiếp năm 2023		Đăng ký mới năm 2024		Kế hoạch năm 2024	
		SL	Diện tích	SL	Diện tích	SL	Diện tích
1	Dự án lấn biển	06	336,21	01	15,26	07	351,47
2	Công trình dự án thu hồi đất	25	31,29	17	57,23	42	88,52
3	Công trình dự án chuyển mục đích	13	58,08	01	2,92	14	61,00
4	Công trình dự án giao đất	14	18,98	01	0,02	15	19,00
5	Công trình dự án đấu giá quyền sử dụng đất	9	8,74	05	6,23	14	14,97
	Tổng cộng	67		25		92	

(Kèm Biểu 10/CH)

 **Danh mục công trình đăng ký mới: 25 công trình**

Bảng 13: Danh mục công trình đăng ký mới năm 2024

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	Công trình, dự án lấn biển		22,03		22,03			
1	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha (22,03ha)		22,03		22,03	MVB: 15,26		Thông báo 596-TB/TU ngày 24/10/2023 của Thành ủy Rạch Giá thông báo kết luận của ban Thường vụ Thành ủy về kè chống Sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 25/10/2023 của HĐND TPRG nghị quyết chủ trương đầu tư dự án kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha Bảo cáo 269/BC-SKHĐT ngày 23/10/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo đề xuất các dự án trọng điểm
		ODT	9,8		9,8	MVB: 9,46 TMD: 0,32 SON: 0,02	Vĩnh Thanh Vân	
		DKV	6,69		6,69	SON: 4,34 MVB: 2,33 TMD: 0,02	Vĩnh Thanh Vân	
		DGT	5,54		5,54	SON: 2,07 MVB: 3,47	Vĩnh Thanh Vân	
II	Công trình dự án thu hồi đất		66,65	9,42	57,23			
			18,95	0,72	18,23			
2	Đường Lạc Hồng Nối dài (Từ tuyến tránh thành phố Rạch Giá đến cao tốc Rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,31	0,04	1,27	LUC: 1,19 SON: 0,05 ODT: 0,03	Vĩnh Hiệp	Thông báo 593-TB/TU ngày 24/10/2023 của Thành ủy Rạch Giá thông báo kết luận của ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương đầu tư dự án đường Lạc Hồng nối dài (từ tuyến tránh TPRG đến giáp ranh huyện Tân Hiệp) Bảo cáo 269/BC-SKHĐT ngày 23/10/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo đề xuất các dự án trọng điểm
		DGT	7,88	0,4	7,48	LUC: 5,36 SON: 0,34 CLN: 0,74 NTS: 0,15 ODT: 0,89	Vĩnh Thông	
		DGT	9,76	0,28	9,48	LUC: 8,5 SON: 0,29 ONT: 0,69	Phi Thông	
3	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)-Cầu An Hòa	DGT	0,036		0,036	ODT	An Hòa	Quyết định 258/QĐ-TTg ngày 04/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ sử dụng vốn vay EDCF của Chính phủ Hàn Quốc
4	Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá		5,02	0,27	4,75			Thông báo số 294/TB-VP ngày 21/3/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của
		DGT	2,18	0,27	1,91	ODT: 1,24 LUC: 0,41	An Bình	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
						SON: 0,1 CLN: 0,16		PCT. Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành có liên quan để nghe báo cáo dự kiến danh mục đầu tư công trình trọng điểm sử dụng vốn từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất
		DGT	2,84		2,84	ODT: 0,26 HNK: 0,49 LUC: 1,34 SON: 0,26 CLN: 0,49	Vĩnh Hiệp	Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
5	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá	DGT	2,32	0,02	2,30	LUC: 1,64 CLN: 0,34 ODT: 0,24 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp	Thông báo số 294/TB-VP ngày 21/3/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành có liên quan để nghe báo cáo dự kiến danh mục đầu tư công trình trọng điểm sử dụng vốn từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
6	Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định)	DGT	18,75	3,19	15,56	LUC: 6,94 CLN: 1,26 DTL: 0,92 HNK: 5,99 ODT: 0,84 TON: 0,01	Vĩnh Hiệp	Thông báo số 294/TB-VP ngày 21/3/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành có liên quan để nghe báo cáo dự kiến danh mục đầu tư công trình trọng điểm sử dụng vốn từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
7	Đường Sư Vạn Hạnh	DGT	1,00	0,42	0,58	CLN; 0,08 TON; 0,02 LUC; 0,04 ODT; 0,54	An Bình	Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND thành phố Rạch Giá V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần II) bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND thành phố RG v/v điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (lần III) giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố
8	Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)	DGT	2,02	1,66	0,36	DTL: 0,16 CLN: 0,02 HNK: 0,02 ODT; 0,16	Vĩnh Hiệp	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND TPRG V/v phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)
9	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	DGT	0,23	0,12	0,11	DTS: 0,1 ODT: 0,01	Vĩnh Thanh	Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND thành phố Rạch Giá V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần II) bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố
10	Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)	DGT	1,3	0,93	0,37	CLN: 0,03 ODT: 0,02 SON: 0,32	Vĩnh Thông	Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND TP. Rạch Giá V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường Mạc Thiên Tích và đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)
11	Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)	DGT	1,68	0,92	0,76	ODT: 0,57 CLN: 0,15 LUC: 0,02 SON: 0,02	Vĩnh Thông	Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND TP. Rạch Giá V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)
12	Cầu kênh Đồn Dong	DGT	0,18	0,05	0,13	CLN: 0,02 ODT: 0,03 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp	Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án công trình giao thông nông thôn giai đoạn 2022-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh (xổ số kiến thiết) phân cấp thành phố Rạch Giá quản lý

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
								Quyết định 547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND TPRG về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư công công trình giao thông nông thôn trên đại bàn TPRG
13	Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa	DVH	0,35		0,35	LUC	Phi Thông	Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang V/v giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
14	Cải tạo mở rộng trụ sở Khu hành chính tập trung	TSC	0,05		0,05	ODT	Vĩnh Thanh Vân	Tờ trình 177/TTr-UBND ngày 08/8/2023 của UBND thành phố Rạch Giá V/v xin chủ trương ĐTXD các dự án trên địa bàn TPRG Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND thành phố RG v/v điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (lần III) giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố
15	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân)	DKV	0,45		0,45	ODT	Vĩnh Bảo	Nghị quyết 127/2023/NQ-HĐND ngày 23/6/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang Quyết định 1179/QĐ-UBND ngày 7/12/2022 V/v phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
16	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Nguyễn An Ninh)	DKV	0,79		0,79	ODT; 0,31 DGT: 0,1 SON; 0,37 DSH: 0,01	Vĩnh Bảo	Thông báo số 570/TB-VP ngày 6/5/2022 của VP HĐND và UBND TP. Rạch Giá thông báo ý kiến kết luận của lãnh đạo UBND tại cuộc họp giao ban ngày 4/5/2022 để giải quyết một số công việc Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 23/6/2023 của HĐND nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân) Quyết định 2026/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)
17	Nhà Tang Lễ	NTD	1,33		1,33	CLN: 0,89 ODT: 0,4 DGT: 0,04	Vĩnh Quang	Thông báo số 294/TB-VP ngày 21/3/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành có liên quan để nghe báo cáo dự kiến danh mục đầu tư công trình trọng điểm sử dụng vốn từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất Thông báo số 658-TB/VPTU ngày 11/11/2022 của Văn phòng tỉnh ủy Kiên Giang thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về dự án Đền tưởng niệm các anh Hùng Liệt sĩ, người có công tỉnh Kiên Giang và dự án Nhà Tang lễ; thực hiện quy hoạch và dự án di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc Thông báo số 834-TB/VPTU ngày 11/11/2022 của Văn phòng tỉnh ủy Kiên Giang thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về đầu tư xây dựng một số dự án trên địa bàn thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
			14,67	1,61	13,06			
18	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	ODT	5,22	0,88	4,34	DTL: 1,31 CLN: 2,43 SKC: 0,60	Vĩnh Quang	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá
		DKV	4,86	0,36	4,50	ODT: 2,5 DTS: 0,29 CLN: 1,4 DTL: 0,31	Vĩnh Quang	
		DGT	4,59	0,37	4,22	DTL: 0,26 CLN: 2,81 DTS: 0,09 ODT: 0,83 LUC: 0,23	Vĩnh Quang	
III	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		3,13	0,21	2,92			
19	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh		3,13	0,21	2,92			Quyết định chủ trương đầu tư số 1102/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 03/4/2023 của UBND TP. Rạch Giá v/v xem xét chấp thuận bổ sung dự án Khu dân cư tân Hưng Thịnh vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
		ODT	1,7	0,21	1,49	LUC: 1,22 CLN: 0,22 SON: 0,05	Vĩnh Thông	
		DGT	1,21		1,21	LUC: 0,89 ODT: 0,18 CLN: 0,13 SON: 0,01	Vĩnh Thông	
		DRA	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	
		DKV	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông	
		DGD	0,08		0,08	LUC: 0,07 CLN: 0,01	Vĩnh Thông	
IV	Công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất		5,99	5,99				

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
20	Đấu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV 2	TMD	3,2	3,2		TMD	An Hòa	Thông báo số 838/TB-VP ngày 14/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang thông báo kết luận của PCT. Nguyễn Thanh Nhân
21	Đấu giá khu đất ở Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc Tp. Rạch Giá (2,26ha)	ODT	2,26	2,26		ODT	Vĩnh Quang	Quyết định 825/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang quyết định v/v thu hồi đất, điều chỉnh nội dung Quyết định giao đất tại dự án Khu đô thị mới lấn biển tây bắc thành phố Rạch Giá
22	Đấu giá Khu đất Công ty cổ phần du lịch thương mại Hòa Giang	TMD	0,44	0,44		TMD	Vĩnh Bảo	Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 14/7/20223 của UBND thành phố Rạch Giá v/v Cty CP DLTM Hòa Giang xin được giữ lại đường giao thông vào khách sạn và hồ bơi phục vụ khách tại khách sạn Thông báo số 850/TB-VP ngày 15/7/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang thông báo ý kiến kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh về đề nghị của công ty cổ phần DLTM Hòa Giang xin được giữ lại đường giao thông vào khách sạn và hồ bơi phục vụ khách tại khách sạn
23	Ban Bồi thường TPRG	ODT	0,01	0,01		TSC	Vĩnh Thanh Vân	Biên bản số 134/BB-STC ngày 14/11/2023 của Sở tài Chính v/v hợp thống nhất số liệu thu tiền sử dụng đất, thuê đất giai đoạn 2023-2025 để trình HĐND tỉnh cuối năm
24	Đấu Giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang	ODT	0,08	0,08		SKC	Vĩnh Bảo	Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang v/v thu hồi đất của Công ty CPTM Kiên Giang do không còn nhu cầu sử dụng tại 258, đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, TPRG, tỉnh Kiên Giang Công văn số 44/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 30/5/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất v/v đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2023
V	Công trình dự án giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		0,02		0,02			

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
25	Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông	CAN	0,02		0,02	DVH	Phi Thông	Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 20/2/2023 của UBND xã Phi Thông V/v xin chủ trương xây dựng Nhà ở doanh trại công an xã Phi Thông trên phần đất Trung tâm văn hóa xã Công văn 1395/CAT-HC ngày 11/9/2023 của Công an tỉnh Kiên Giang V/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Công an tỉnh Kiên Giang

 Công trình điều chỉnh quy mô, diện tích:

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Năm đăng ký	Báo cáo Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
			3,14	0,48	2,66				
1	Cầu Giải phóng 9	DGT	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh	2023	Điều chỉnh thiết kế Công văn 126/BQL-TNV ngày 10/8/2023 của BQL dự án ĐTXD thành phố Rạch Giá Nghị Quyết 02/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá. Diện tích điều chỉnh từ 1,72 ha lên 3,14 ha Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
		DGT	0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp	2023	
		DGT	0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông	2023	

❖ **Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 thành phố Rạch Giá phân theo đơn vị hành chính**

Bảng 14: Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.817,65	476,13	732,09	433,49	356,24	343,79	1.060,84	137,20	152,72	95,94	1.136,38	1.406,23	4.486,62
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	6.921,04	165,79	110,15	166,41	196,93	18,09	739,73	2,73	3,20	0,51	397,99	1.124,18	3.995,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.599,23	81,88	5,64	96,71	134,59		453,13				131,40	937,09	3.758,79
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.599,23	81,88	5,64	96,71	134,59		453,13				131,40	937,09	3.758,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	136,40	1,60	4,68	0,42	1,25		57,93		0,13		44,45	20,00	5,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.160,45	82,31	99,83	69,27	61,09	18,09	228,05	2,73	3,07	0,51	222,15	145,22	228,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,42						0,62					19,61	0,19
1.8	Đất làm muối	LMU													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54											2,27	2,27
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.886,57	310,34	621,94	257,04	159,31	325,70	321,11	134,47	149,52	95,42	738,38	282,04	491,30
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31		0,44	0,19	2,52	11,60			0,11		2,45		
2.2	Đất an ninh	CAN	26,73	0,04	9,81	8,75	0,04	0,09	0,04	0,18	2,73	0,14	4,77	0,07	0,08
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	65,75	4,17	18,77	8,60	2,03	6,53	5,90	7,72	3,23	1,46	6,86	0,47	

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	37,15	14,63	4,25	1,65	5,61	0,83	0,22	0,08	0,73	0,06	8,36	0,74	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX													
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.439,27	66,99	230,77	93,33	75,18	89,50	166,66	34,24	74,56	32,37	271,63	128,79	175,26
	<i>Trong đó: đất dự trữ hạ tầng</i>		9,68										9,68		
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	1.034,38	43,57	171,81	72,95	60,09	71,18	77,59	27,49	52,52	24,21	202,06	85,95	144,99
-	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	180,69	4,70	12,19	0,20	12,86		79,27	0,01	3,98		13,11	34,33	20,04
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	20,18		7,21	0,26		1,67			9,57	0,55			0,91
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	23,63	0,10	13,64	0,70	0,09	3,46	0,05	0,31	0,07	4,61	0,45	0,08	0,08
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD	90,46	4,16	18,72	16,37	0,41	8,53	3,56	4,84	6,88	1,94	11,59	6,43	7,03
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	16,50	11,35		0,64		0,81	1,00				1,20	1,51	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	2,33	0,01	0,11	0,08		0,67	0,27			0,36	0,55	0,28	
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	1,73	0,03	0,80	0,01	0,03	0,29	0,02		0,15		0,28		0,11
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG													
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	0,25		0,21					0,04					
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	1,49		1,04				0,02				0,36	0,07	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	20,45	3,07	2,14	0,69	1,11	1,47	2,75	1,25	1,10	0,58	5,30	0,06	0,93

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	27,08		0,13	0,08	0,44	0,62	2,13				23,21	0,09	0,38
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,07					0,07							
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH													
-	Đất chợ	DCH	10,35		2,76	1,36	0,15	0,74		0,30	0,29	0,12	3,84		0,80
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,32	0,09	0,12	0,09	0,02	0,03	0,03	0,02	0,26	0,03	0,08	0,33	0,21
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	158,62	38,96	38,03	10,06		18,29	0,65	6,54	2,09	13,13	30,47	0,07	0,32
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	116,43		0,10										116,33
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.512,13	153,07	294,35	111,04	62,00	161,88	115,37	73,06	53,77	35,95	380,74	70,91	
2.15	Đất trụ sở cơ quan	TSC	46,31	1,54	6,29	0,64	0,27	28,35	1,43	1,41	3,19	0,63	1,12	0,96	0,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,19	0,02	3,57		0,02	4,04		0,25	0,73	0,90	-0,34		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	6,32	0,20	0,11	0,05	0,71		0,04	0,04	1,12	0,27	0,14	3,65	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	435,32	29,70	3,06	22,63	10,91	4,54	30,76	10,85	6,64	10,45	31,10	76,06	198,61
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,22	0,92	11,30										
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	0,01	0,98			0,01		0,08	0,37	0,05	1,02		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	10,04			10,04							0,00		

3.2 Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

- **Lĩnh vực quốc phòng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực quốc phòng không đăng ký thực hiện danh mục công trình dự án mới. Diện tích đất quốc phòng của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 17,31 ha.

- **Lĩnh vực an ninh:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực an ninh có thực hiện 03 công trình giao đất với diện tích 9,53 ha. Diện tích đất an ninh của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 26,73 ha.

- **Lĩnh vực thương mại dịch vụ:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực thương mại dịch vụ có thực hiện 16 công trình với diện tích tăng thêm 20,77 ha (*trong đó thương mại dịch vụ 15 công trình với diện tích 20,27 ha và 01 công trình chợ diện tích 0,5 ha*). Diện tích đất thương mại dịch vụ của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 75,28 ha (trong đó: đất thương mại dịch vụ là 64,93 ha và đất chợ là 10,35 ha).

- **Lĩnh vực giao thông:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực giao thông thực hiện 38 công trình với tổng diện tích tăng thêm là 168,61 ha (*trong đó bao gồm 26 dự án đường giao thông ngân sách nhà nước và 12 dự án đường giao thông trong các khu dân cư, khu đa mục đích và dự án lấn biển*). Diện tích đất giao thông của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 1.034,38 ha.

- **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực giáo dục và đào tạo có thực hiện 06 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm 14,54 ha. Diện tích đất giáo dục và đào tạo của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 90,46 ha.

- **Lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng có thực hiện 04 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm 0,05 ha. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 1,32 ha.

- **Lĩnh vực văn hóa:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực văn hóa có thực hiện 05 công trình với tổng diện tích tăng thêm là 1,86 ha. Diện tích đất văn hóa của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 20,18 ha.

- **Lĩnh vực y tế:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực y tế có thực hiện 02 công trình với diện tích tăng thêm là 1,09 ha. Diện tích đất y tế của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 23,63 ha.

- **Lĩnh vực bãi thải, xử lý chất thải:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực bãi thải, xử lý chất thải có thực hiện 06 công trình với diện tích tăng thêm là 1,38 ha. Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 1,49 ha.

- **Lĩnh vực năng lượng:** Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lĩnh vực năng lượng có thực hiện 03 công trình với diện tích tăng thêm là 0,27 ha. Diện tích đất năng lượng của thành phố Rạch Giá đến năm 2024 là 2,33 ha.

3.2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là 92 công trình, dự án và nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- **Đất An ninh:** Đăng ký thực hiện 03 công trình giao đất diện tích 9,53 ha.

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm đến cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông	0,02		0,02	DVH	Phi Thông
2	Công an tỉnh Kiên Giang	8,64	8,64			An Hòa
3	Đội Phòng cháy chữa cháy	0,87	0,87			Vĩnh Quang
	Tổng	9,53	9,51	0,02		

• **Đất thương mại dịch vụ:** Đăng ký thực hiện 15 công trình với diện tích tăng thêm 20,03 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đầu Giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang	0,08		0,08	SKC	Vĩnh Bảo
2	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	0,62		0,62	DKV	An Hòa
3	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát	0,91	-	0,91	CLN	Vĩnh Hiệp
4	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,08	-	0,08	LUC	Vĩnh Quang
5	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,50	0,24	0,26	LUC	Vĩnh Hiệp
6	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	3,21	-	3,21	MVB	An Hòa
7	Khu đô thị Phú Quý Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi
8	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,96	-	0,96	MVB	An Hòa
9	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa
10	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
11	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang
12	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang
13	Cụm Công Viên Lạc Hồng	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc
14	Đầu giá Khu đất Công ty cổ phần du lịch thương mại Hòa Giang	0,44	0,44		TMD	Vĩnh Bảo
15	Đầu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV 2	3,44		3,44	TSC	An Hòa
	Tổng:			20,03		

• **Đất chợ:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,5 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	

			trạng (ha)			
1	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường	0,76	0,26	0,5	MNC	An Hòa

• **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Đăng ký thực hiện 06 công trình diện tích tăng thêm 14,54 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Trường Mầm non Hoa Sen	0,43		0,43	LUC, CLN, ODT	An Hòa
2	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Kiên Giang	4,52		4,52	LUC	Vĩnh Thông
3	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	2,14		2,14	MVB	An Hòa
4	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi
5	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang
6	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,08		0,08	LUC	Vĩnh Thông
	Tổng	14,54		14,54		

• **Đất công trình giao thông:** Đăng ký thực hiện 38 công trình diện tích tăng thêm 168,61 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi
2	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa
3	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
4	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	4,59	0,37	4,22	DTL: 0,26 CLN: 2,81 DTS: 0,09 ODT: 0,83 LUC: 0,23	Vĩnh Quang
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	1,75	1,0	0,75	CLN	An Hòa
6	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng)	1,63	0,7	0,93	CLN: 0,05ha; ODT: 0,1 ha HNK: 0,15 DGD: 0,63	An Hòa
7	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh
8	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
9	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	1,21		1,21	LUC	Vĩnh Thông
10	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	0,53	-	0,53	LUC: 0,18 ha CLN: 0,35 ha	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
11	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang
12	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
13	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 ha CLN: 0,1 ha DKV: 0,02 DTL: 0,04	Vĩnh Quang
14	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	0,16	0,14	0,02	ODT	Vĩnh Lạc
15	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
16	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
17	Cầu Giải phóng 9	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh
		0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp
		0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông
18	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	3,96	0,13	3,83	LUC: 3,54 DTL: 0,16 CLN: 0,13	Vĩnh Quang
19	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	2,32	-	2,32	LUC	Vĩnh Hiệp
20	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	2,66	2,66	-	DGT	Vĩnh Quang
21	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha (22,03ha)	5,54		5,54	SON: 2,07 MVB; 3,47	Vĩnh Thanh Vân
22	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lân cận Trần Quang Khải)	24,37		24,37	MVB	An Hòa
23	Khu đô thị Phú Quý_Lân cận Tây Nam Rạch Sỏi	33,54	-	33,54	MVB	Rạch Sỏi
24	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,56	-	0,56	MVB	An Hòa
25	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa
26	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang
27	Cụm Công Viên Lạc Hồng	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc
		1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Bảo

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
28	Đường Lạc Hồng Nối dài (Từ tuyến tránh thành phố Rạch Giá đến cao tốc Rạch Giá-Hà Tiên)	1,31	0,04	1,27	LUC: 1,19 SON: 0,05 ODT: 0,03	Vĩnh Hiệp
		7,88	0,4	7,48	LUC: 5,36 SON: 0,34 CLN: 0,74 NTS: 0,15 ODT: 0,89	Vĩnh Thông
		9,76	0,28	9,48	LUC: 8,5 SON: 0,29 ONT: 0,69	Phi Thông
29	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)-Cầu An Hòa	0,036		0,036	ODT	An Hòa
30	Đường Phan Thị Ràng nối dài	5,02	0,27	4,75		
		2,18	0,27	1,91	ODT: 1,24 LUC: 0,41 SON: 0,1 CLN: 0,16	An Bình
		2,84		2,84	ODT: 0,26 HNK: 0,49 LUC: 1,34 SON: 0,26 CLN: 0,49	Vĩnh Hiệp
31	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	2,32	0,02	2,30	LUC: 1,64 CLN: 0,34 ODT: 0,24 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
32	Đường vành đai (Giải phóng 9 –Trương Định)	18,75	3,19	15,56	LUC: 6,94 CLN: 1,26 DTL: 0,92 HNK: 5,99 ODT: 0,84 TON: 0,01	Vĩnh Hiệp
33	Đường Sư Vạn Hạnh	1,00	0,42	0,58	CLN: 0,08 TON: 0,02 LUC: 0,04 ODT: 0,54	An Bình
34	Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)	2,02	1,66	0,36	DTL: 0,16 CLN: 0,02 HNK: 0,02 ODT: 0,16	Vĩnh Hiệp
35	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	0,23	0,12	0,11	DTS: 0,1 ODT: 0,01	Vĩnh Thanh
36	Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)	1,3	0,93	0,37	CLN: 0,03 ODT: 0,02 SON: 0,32	Vĩnh Thông
37	Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)	1,68	0,92	0,76	ODT: 0,57 CLN: 0,15 LUC: 0,02 SON: 0,02	Vĩnh Thông
38	Cầu Kênh Đòn Dong	0,18	0,05	0,13	CLN: 0,02 ODT: 0,03 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
Tổng:				168,61		

- **Đất công trình năng lượng:** Đăng ký thực hiện 03 công trình diện tích 0,27 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi
2	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thanh Lộc và đường dẫn	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK:0,06	Vĩnh Hiệp
3	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,06		0,06	MVB	An Hòa
	Tổng	0,27		0,27		

• **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Đăng ký thực hiện 05 công trình diện tích 1,38ha và 01 công trình giao đất 0,02 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Hiệp
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,55		0,55	MNB	An Hòa
3	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	0,49		0,49	MNB	An Hòa
4	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,27	0,02	0,25	LUC:0,15 DGT: 0,1	Vĩnh Quang
5	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông
6	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,02	0,02	-	DTL	Vĩnh Quang
	Tổng	1,42	0,04	1,38		

• **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,64 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,64	-	0,64	MVB	Rạch Sỏi

• **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Đăng ký thực hiện 05 công trình diện tích tăng thêm 2,16 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	0,30	-	0,30	LUC	Phi Thông
2	Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa	0,35		0,35	LUC: 0,32 ONT: 0,03	Phi Thông
3	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3,50	2,90	0,60		Vĩnh Thanh

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
4	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,65	-	0,65	MVB	An Hòa
5	Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi	0,26		0,26	HNK	Rạch Sỏi
	Tổng	5,06	2,9	2,16		

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Đăng ký thực hiện 02 công trình với diện tích tăng thêm 1,09

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,40		0,40	MVB	An Hòa
2	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,69	-	0,69	MVB	Rạch Sỏi
	Tổng	1,09		1,09		

- **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Đăng ký thực hiện 02 công trình với diện tích 6,64 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang
2	Nhà Tang lễ	1,33		1,33	CLN: 0,89 ODT: 0,4 DGT: 0,04	Vĩnh Quang
		6,64		6,64		

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Đăng ký thực hiện 03 công trình với diện tích 0,05 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Trụ sở Khu phố 7	0,02		0,02	HNK	Rạch Sỏi
2	Trụ sở Khu phố 3	0,01		0,01	CLN	An Bình
3	Trụ sở Khu phố 8	0,02		0,02	CLN	An Hòa
	Tổng:	0,05		0,05		

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Đăng ký thực hiện 16 công trình với diện tích 57,69 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	1,04	-	1,04	LUC: 0,94 CLN: 0,03 DGT : 0,07	Vĩnh Quang
2	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,65		0,65	LUC	Vĩnh Hiệp
3	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,27	0,27	-	DKV	Vĩnh Quang
4	CVCĐ1 thuộc Khu 1 –Phú Cường	0,22		0,22	TMD	An Hòa
5	CVCĐ2 thuộc Khu 2 –Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
6	CVCĐ3 thuộc Khu 2 –Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
7	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	9,98		9,98	MVB	An Hòa
8	Khu đô thị Phú Quý_ Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi
9	Khu 3 điều chỉnh – khu đô thị mới Phú Cường	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa
10	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Nguyễn An Ninh)	0,79		0,79	ODT; 0,31 DGT: 0,1 SON; 0,37 DSH: 0,01	Vĩnh Bảo
11	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân)	0,45		0,45	ODT	Vĩnh Bảo
12	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Lạc
13	Cụm Công Viên Lạc Hồng	15,81	7,67	8,14	DKV	Vĩnh Bảo
14	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha (22,03ha)	6,69		6,69	SON: 4,34 MVB: 2,33 TMD: 0,02	Vĩnh Thanh Vân
15	Khu dân cư Tân Hưng Thịnh	0,07		0,07	LUC	Vĩnh Thông
16	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	4,86	0,36	4,50	ODT: 2,5 DTS: 0,29 CLN: 1,4 DTL: 0,31	Vĩnh Quang
Tổng		67,51	9,82	57,69		

- **Đất tín ngưỡng:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,15 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh

- **Đất trụ sở cơ quan:** Đăng ký thực hiện 10 công trình diện tích 29,31 ha trong đó 05 công trình giao đất diện tích 1,15 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Cải tạo mở rộng trụ sở Khu hành chính tập trung	0,05		0,05	ODT	Vĩnh Thanh Vân
2	Trụ sở làm việc chung các Hội	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
3	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	1,20		1,20	LUC	Vĩnh Hiệp
4	Tòa án tỉnh Kiên Giang	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
5	Cụm Công Viên Lạc Hồng	26,1		26,10	MVB	
6	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới)	0,35	0,35		TSC	Vĩnh Thông
7	Thông Tấn xã Khu vực phía Nam	0,03	0,03		TSC	An Bình
8	Viện Kiểm sát nhân dân TPRG	0,21	0,21		TSC	An Hòa
9	BCH quân sự phường Rạch Sỏi	0,47		0,47	LUC	Rạch Sỏi
10	BCH quân sự phường Vĩnh Lợi	0,09		0,09	CLN	Vĩnh Lợi
	Tổng	29,90	0,59	29,31		

- Công trình Đầu giá quyền sử dụng đất: đăng ký thực hiện 14 công trình với diện tích 14,97 ha.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	ODT+TMD	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
2	Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung)	ODT	0,25	0,25		CLN	Vĩnh Quang
3	Công ty CP Classic Mode (Việt Nam)	ODT	0,48	0,48		SKC	An Hòa
4	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	ODT+TMD	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang
5	01 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,01	0,01		CAN	Vĩnh Thanh Vân
6	04 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,15	0,15		CAN	Vĩnh Thanh
7	Cầu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	ODT	0,27	0,27		TSC	An Hòa
8	Đầu giá trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm phụ)	ODT	0,03	0,03		DGD	Rạch Sỏi
9	Đầu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang	ODT	0,48	0,48		SKC	Vĩnh Quang
10	Đầu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV 2	TMD	3,44		3,44	TSC	An Hòa
11	Đầu giá khu đất ở Khu đô thị mới lần biên Tây Bắc Tp. Rạch Giá (2,26ha)	ODT	2,26	2,26		ODT	Vĩnh Quang
12	Đầu giá Khu đất Công ty cổ phần du lịch thương mại Hòa Giang	TMD	0,44	0,44		TMD	Vĩnh Bảo
13	Ban Bồi thường TPRG	ODT	0,01	0,01		TSC	Vĩnh Thanh Vân
14	Đầu Giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang	TMD	0,08		0,08	SKC	Vĩnh Bảo

• **Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:**

Bảng 15: Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Đơn vị: m²

STT	Phường/xã	CLN	LUC	HNK	DYT	SKC	ODT	Tổng
I	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở	ODT/ONT	ODT/ONT	ODT/ONT	ODT	ODT		261.690,11
1	Phường An Bình	22.044,30	31.967,15	4.046,83				58.058,28
2	Phường An Hòa	6.079,30	6.721,90	36,00				12.837,20
3	Phường Rạch Sỏi	8.371,23	496,90	1.208,80				10.076,93
4	Phường Vĩnh Lợi	4.256,90	12.726,50	3.747,70				20.731,10
5	Phường Vĩnh Lạc	1.165,50	0,00					1.165,50
6	Phường Vĩnh Hiệp	1.935,50	4.271,80					6.207,30
7	Phường Vĩnh Thanh	584,70	0,00			306,10		890,80
8	Phường Vĩnh Quang	18.264,40	35.094,60	381,80				53.740,80
9	Phường Vĩnh Thông	798,20	47.184,00					47.982,20
10	Phường Vĩnh Thanh Vân							0,00
11	Phường Vĩnh Bảo							0,00
		63.500,03	138.462,85	9.421,13	0,00	306,10		211.690,11
12	Xã Phi Thông	10.000,00	40.000,00					50.000,00
		10.000,00	40.000,00					50.000,00
II	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ		TMD					10.496,02
1	Phường Vĩnh Hiệp		579,12					579,12
2	Phường Rạch Sỏi		4.757,90	4.859,00				9.616,90
3	Phường Vĩnh Quang		300,0					300,0
			5.337,02	4.859,00				
III	Chuyển từ đất ở sang thương mại dịch vụ						TMD	371,20
1	Phường Vĩnh Lạc						371,2	371,20

3.3 Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

Diện tích tự nhiên của toàn thành phố năm 2024 là **10.817,65** ha, tăng 351,47 ha so với năm 2023 để thực hiện 07 dự án lấn biển: Mở rộng khu lấn biển 16 ha , Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi, Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia, Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường; Khu Đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2) và Cụm công viên Lạc Hồng.

Bảng 16: Công trình dự án lấn biển

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	
	Tổng				351,47	
			15,26	-	15,26	
1	Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16 ha (22,03ha)	DGT	3,47		3,47	Vĩnh Thanh Vân
		ODT	9,46		9,46	Vĩnh Thanh Vân
		DKV	2,33		2,33	Vĩnh Thanh Vân
					68,68	
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lần biên Trần Quang Khải)	ODT	27,97	-	27,97	An Hòa
		TMD	3,21	-	3,21	An Hòa
		DKV	9,98	-	9,98	An Hòa
		DGT	24,37		24,37	An Hòa
		DYT	0,40		0,40	An Hòa
		DNL	0,06		0,06	An Hòa
		DRA	0,55		0,55	An Hòa
		DGD	2,14		2,14	An Hòa
			88,45		88,45	
3	Khu đô thị Phú Quý_Lần biên Tây Nam Rạch Sỏi	ODT	36,81		36,81	Rạch Sỏi
		TMD	6,53		6,53	Rạch Sỏi
		DKV	8,35		8,35	Rạch Sỏi
		DGD	1,81		1,81	Rạch Sỏi
		DYT	0,69		0,69	Rạch Sỏi
		DTT	0,64		0,64	Rạch Sỏi
		DNL	0,08		0,08	Rạch Sỏi
		DGT	33,54		33,54	Rạch Sỏi
			2,17		2,17	
4	Quản thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	DGT	0,56		0,56	An Hòa
		DVH	0,65		0,65	An Hòa
		TMD	0,96		0,96	An Hòa
			11,55	9,28	2,27	
5	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	DGT	4,86	4,11	0,75	An Hòa
		DKV	2,23	1,52	0,71	An Hòa
		DRA	0,49		0,49	An Hòa
		ODT	2,50	2,50	-	An Hòa
		TMD	1,47	1,15	0,32	An Hòa
6	Khu đô thị Tây Bắc Rạch Giá (giai đoạn 2)		98,12	-	98,12	
		DGD	5,56		5,56	Vĩnh Quang
		DGT	28,81		28,81	Vĩnh Quang
		DHT	9,68		9,68	Vĩnh Quang
		DKV	15,70		15,70	Vĩnh Quang
		TMD	3,62		3,62	Vĩnh Quang
		ODT	34,75		34,75	Vĩnh Quang
7	Cụm Công Viên Lạc Hồng		92,00	15,48	76,52	
			70,56	13,16	57,40	
		DGT	11,60	3,34	8,26	Vĩnh Lạc
		TSC	26,10		26,10	Vĩnh Lạc
		DKV	12,60	5,36	7,24	Vĩnh Lạc

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	
		ODT	17,93	2,13	15,80	Vĩnh Lạc
		TMD	2,32	2,32		Vĩnh Lạc
		DSH	0,01	0,01		Vĩnh Lạc
			21,44	2,32	19,12	
		ODT	16,50		16,50	Vĩnh Bảo
		DGT	1,73	0,01	1,72	Vĩnh Bảo
		DKV	3,21	2,31	0,90	Vĩnh Bảo

A. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đất nông nghiệp có diện tích **6.921,04** ha, chiếm **63,98 %** tổng diện tích tự nhiên, giảm 143,42 ha so với năm 2023, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp, chu chuyển diện tích các loại đất được thể hiện trong từng chỉ tiêu sử dụng đất. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

Bảng 17: Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2023	Diện tích năm 2024	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.064,46	6.921,04	-143,42
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.699,25	5.599,23	-100,03
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>5.699,25</i>	<i>5.599,23</i>	<i>-100,03</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	147,81	136,40	-11,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.192,29	1.160,45	-31,84
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,42	-0,15
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	4,54	

- **Đất trồng cây lúa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 5.599,23 ha, giảm 100,03 ha so với năm 2023 để chuyển sang đất phi nông nghiệp như: Đất thương mại dịch vụ 0,91 ha; Đất phát triển hạ tầng 41,79 ha (trong đó: đất giao thông 30,88 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,32 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 4,97 ha, đất công trình năng lượng 0,07 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 0,24 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 5,31 ha); Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,66 ha; Đất ở tại nông thôn 4,0 ha; Đất ở tại đô thị 50,0 ha và đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,67 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 136,40 ha, giảm 11,41 ha so với năm 2023 để chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,49 ha, đất phát triển hạ tầng 7,49 ha (trong đó: đất giao thông 7,17 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,26 ha, đất công trình năng lượng 0,06 ha), đất sinh hoạt cộng đồng 0,02 ha và đất ở đô thị 3,41 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1.160,45 ha, giảm 31,84 ha so với năm 2023 do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể: Đất thương mại dịch vụ 0,91 ha; Đất phát triển hạ tầng 11,26 ha (trong đó: đất giao thông 9,93 ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,4 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,04 ha, đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,89 ha); Đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha; Đất khu

vui chơi, giải trí công cộng 1,43 ha; Đất ở tại nông thôn 1,0 ha; Đất ở tại đô thị 16,37 ha và Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,84 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 20,42 ha giảm 0,15 ha so với năm 2023 do chuyển sang đất giao thông.

- **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 4,54 ha, sử dụng ổn định so với năm 2023.

B. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đất phi nông nghiệp có diện tích **3.886,57** ha, chiếm **35,93%** tổng diện tích tự nhiên, tăng thêm 501,00 ha (*trong đó đất lấn biển tăng 351,47*) so với năm 2023 để thực hiện 92 danh mục dự án công trình và chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân, chuyển từ đất nông nghiệp và diện tích đất mặt nước ven biển sang, chu chuyển diện tích các loại đất được thể hiện trong từng chỉ tiêu sử dụng đất. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

Bảng 18: Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2023	KHSDD năm 2024	Biến động	Diện tích tăng thêm do lấn biển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.385,57	3.886,57	501,00	351,47
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31		
2.2	Đất an ninh	CAN	26,87	26,73	-0,14	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,01	65,75	19,74	14,64
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	37,15	-1,06	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.239,66	1.439,27	199,61	124,23
	<i>Trong đó: đất dự trữ hạ tầng</i>			9,68	9,68	9,68
-	Đất giao thông	DGT	866,24	1.034,38	168,15	101,48
-	Đất thủy lợi	DTL	184,78	180,69	-4,09	
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	18,34	20,18	1,84	0,65
-	Đất cơ sở y tế	DYT	22,54	23,63	1,09	1,09
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	76,58	90,46	13,88	9,51
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	15,86	16,50	0,64	0,64
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,06	2,33	0,27	0,14
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,73	1,73		
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,25	0,25		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,11	1,49	1,38	1,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,48	20,45	-0,03	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	20,63	27,08	6,45	

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2023	KHSDD năm 2024	Biến động	Diện tích tăng thêm do lấn biển
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,07	0,07		
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	10,00	10,35	0,35	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28	1,32	0,04	
2.7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	101,57	158,62	57,05	45,21
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	112,15	116,43	4,28	
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	1.306,43	1.512,13	205,70	141,29
2.10	Đất trụ sở cơ quan	TSC	20,45	46,31	25,86	26,10
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,67	9,19	-0,48	
2.12	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,17	6,32	0,15	
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,57	435,32	-9,25	
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,72	12,22	-0,50	
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	16,15	10,04	-6,11	

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 17,31 ha sử dụng ổn định so với năm 2023.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 26,73 ha, giảm 0,14 ha.

+ Diện tích tăng 0,02 ha để thực hiện Nhà ở doanh trại Công an xã Phi Thông từ đất cơ sở văn hóa chuyển sang. Ngoài ra thực hiện 02 dự án giao đất là Công an tỉnh Kiên Giang 8,46 ha - phường An Hòa và Đội

Phòng cháy chữa cháy 0,87 ha - phường Vĩnh Quang.

+ Giảm 0,16 ha do đấu giá 04 khu đất công an tại phường Vĩnh Thanh và 01 khu đất công an của phường Vĩnh Thanh Vân chuyển sang đất ở đô thị.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 65,75 ha, tăng 19,74 ha (*trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 14,64 ha*) so với năm 2023. Diện tích đất thương mại dịch vụ tăng do thực hiện các dự án trung tâm thương mại trong các khu dân cư, các dự án lấn biển... Cụ thể:

+ Diện tích tăng: 21,09 ha (từ 15 dự án là 20,03 ha và chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân là 1,06 ha) từ đất trồng lúa 0,91 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,49 ha, đất trồng cây lâu năm 0,91 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,08 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,62 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 3,44 ha và đất mặt nước ven biển 14,64 ha.

+ Diện tích giảm: 1,35 ha do chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,64 ha và đất ở tại đô thị 0,71 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 37,15 ha, giảm 1,06 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,08 ha, đất giao thông 0,38 ha và đất ở tại đô thị 0,6 ha.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1.439,27 ha, tăng 199,61 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 124,23 ha) so với năm 2023. Đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1.034,38 ha, tăng 168,15 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 101,48 ha) so với năm 2023 để thực hiện 38 công trình như: đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng), Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường), Đường Tú Xương, Đường Trần Mai Ninh, Đường Võ Trường Toản, đường Phan Thị Ràng nối dài, đường Sư Vạn Hạnh, đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, đường Lạc Hồng nối dài, đường Huỳnh Mẫn Đạt, Cầu Giải phóng 9... và hệ thống đường giao thông trong các khu dân cư, khu đô thị và các dự án lấn biển.

- Diện tích tăng: 168,61 ha từ đất trồng lúa 30,88 ha, đất trồng cây hàng năm 7,17 ha, đất trồng cây lâu năm 9,93 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,15 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,38 ha, đất phát triển hạ tầng 3,06 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha, đất ở tại nông thôn 0,69 ha, đất ở tại đô thị 10,14 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,19 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4,52 ha và đất mặt nước ven biển 101,48 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm: 0,46 ha do chuyển sang đất hạ tầng 0,14 ha (trong đó: đất bãi thải, xử lý chất thải 0,1 ha và đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,04 ha), đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,17 ha và đất ở tại đô thị 0,15 ha.

+ **Đất thủy lợi:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 180,69 ha, giảm 4,09 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 2,06 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,31 ha và đất ở tại đô thị 1,71 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 20,18 ha, tăng 1,84 ha so (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 0,65 ha) với năm 2023 để thực hiện các dự án: Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn, Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa, Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi và dự án đất cơ sở văn hóa từ dự án lấn biển.

- Diện tích tăng 1,86 ha từ đất trồng lúa 0,32 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,26 ha, đất trồng cây lâu năm 0,40 ha, đất ở tại nông thôn 0,03 ha, đất ở tại đô thị 0,2 ha và đất mặt nước ven biển 0,65 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm 0,02 do chuyển sang đất an ninh

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 23,63 ha tăng 1,09 ha so với năm 2023. Diện tích tăng từ 02 dự án lấn biển Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 90,46 ha, tăng 13,88 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 9,51 ha) so với năm 2023 để thực hiện 07 công trình như: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát, Trường Mầm non Hoa Sen và 05 dự án trong khu dân cư, khu đô thị lấn biển.

- Diện tích tăng: 14,54 ha từ đất trồng lúa 4,96 ha, đất trồng cây lâu năm 0,04 ha, đất thủy lợi 0,01 ha, đất ở đô thị 0,02 ha và đất mặt nước ven biển 9,51 ha.
- Diện tích giảm: 0,66 ha do chuyển sang đất giao thông 0,63 ha và đất ở đô thị 0,03 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 16,50 ha, tăng 0,64 ha so với năm 2023. Diện tích tăng để thực hiện trung tâm thể thao từ dự án lấn biển Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ *Đất công trình năng lượng*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 2,33 ha, tăng 0,27 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 0,14 ha) so với năm 2023 để thực hiện Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn và đất năng lượng từ dự án lấn biển Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 0,07 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,06 ha và đất mặt nước ven biển 0,14 ha chuyển sang.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1,73 ha, sử dụng ổn định so với năm 2023.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 0,25 ha, sử dụng ổn định so với năm 2023.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1,49 ha, tăng 1,38 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 1,04 ha) so với năm 2023 để xây dựng các khu xử lý nước thải trong các dự án lấn biển và các dự án khu dân cư. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 0,24 ha, đất giao thông 0,1 ha và đất mặt nước ven biển 1,04 ha chuyển sang

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 20,45 ha, giảm 0,03 ha so với năm 2023 do chuyển sang đất giao thông dự án Đường Sư Vạn Hạnh, Đường Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định).

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 27,08 ha, tăng 6,45 ha so với năm 2023 để thực hiện dự án mở rộng nghĩa trang liệt sĩ và nhà tang lễ.

- Diện tích tăng: 6,64 ha từ đất trồng lúa 5,31 ha, đất trồng cây lâu năm 0,89 ha, đất giao thông 0,04 ha và đất ở tại đô thị 0,4 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm: 0,19 ha do chuyển sang đất giao thông.

+ *Đất chợ*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 10,35 ha, tăng 0,35 ha so với năm 2023 để thực hiện dự án chợ An Hòa.

- Diện tích tăng: 0,5 ha từ đất mặt nước chuyên dùng chuyển sang
- Diện tích giảm: 0,15 ha do chuyển sang đất giao thông.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1,32 ha, tăng 0,04 ha so với năm 2023. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng các trụ sở khu phố như: Khu phố 3-phường An Bình, Khu phố 8-phường An Hòa và Khu phố 7-phường Rạch Sỏi.

- Diện tích tăng 0,05 ha từ đất trồng cây hàng năm khác 0,02 ha và đất trồng cây lâu năm 0,03 ha chuyển sang.

- Diện tích giảm 0,01 ha chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 158,62 ha, tăng 57,05 ha (*trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 45,21 ha*) so với năm 2023 để thực hiện Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền, các công viên cây xanh trong các dự án khu dân cư, khu đô thị, dự án lấn biển trên toàn địa bàn thành phố.

- Diện tích tăng 57,69 ha từ đất trồng lúa 1,66 ha, đất trồng cây lâu năm 1,43 ha, đất thương mại dịch vụ 0,64 ha, đất giao thông 0,17 ha, đất thủy lợi 0,31, đất ở đô thị 3,26 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,29 ha, đất sông ngòi kênh rạch suối 4,71 ha và đất mặt nước ven biển 45,21 ha.
- Diện tích giảm 0,64 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,62 ha và đất giao thông 0,02 ha.

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 116,43 ha, tăng 4,28 ha so với năm 2023.

- Diện tích tăng 5,0 ha để thực hiện chuyển mục đích cho hộ gia đình, cá nhân. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 4,0 ha và đất trồng cây lâu năm 1,0 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm 0,72 ha do chuyển sang đất giao thông 0,69 ha và đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,03 ha

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 1.512,13 ha, tăng 205,70 ha (*trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 141,29 ha*) so với năm 2023 để thực hiện các công trình dự án khu dân cư, khu đô thị, các dự án lấn biển và chuyển mục đích từ hộ gia đình cá nhân.

+ Diện tích tăng: 220,56 ha từ đất trồng lúa 50,0 ha, đất trồng cây lâu năm 16,37 ha, đất trồng cây hàng năm 3,41 ha, đất an ninh 0,16 ha, đất thương mại dịch vụ 0,71 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,6 ha, đất hạ tầng 1,89 ha (trong đó đất giao thông 0,15 ha, đất thủy lợi 0,71 ha và đất giáo dục và đào tạo 0,03 ha), đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha, đất sông ngòi kênh rạch suối 0,02 ha, đất chưa sử dụng 6,11 ha và đất mặt nước ven biển 141,29 ha.

+ Diện tích giảm 14,86 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 10,75 ha (trong đó: đất giao thông 10,14, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,20 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,4 ha), đất khu vui chơi, giải trí công cộng 3,26 ha, đất trụ sở cơ quan 0,70 ha và đất tín ngưỡng 0,15 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 46,31 ha, tăng 25,86 ha (*trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 26,10 ha*) so với năm 2023.

+ Diện tích tăng: 29,31 ha từ đất trồng lúa 1,67 ha, đất trồng cây lâu năm 0,84 ha, đất ở đô thị 0,70 ha và đất mặt nước ven biển 26,10 ha chuyển sang.

+ Diện tích giảm: 3,45 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 3,44 ha và đất ở đô thị 0,01 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 9,19 ha, giảm 0,48 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,19 ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,29 ha.

- **Đất tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 6,32 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2023 để thực hiện mở rộng đình Nguyễn Trung Trực phường Vĩnh Thanh. Diện tích tăng từ đất ở đô thị chuyển sang.

- **Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 435,32 ha, giảm 9,25 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 4,52 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 4,71 ha và đất ở đô thị 0,02 ha.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 12,22 ha, giảm 0,5 ha so với năm 2023 chuyển sang đất chợ.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích là 2,51 ha, sử dụng ổn định so với năm 2023.

C. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là **10,04** ha so với năm 2023 chiếm **0,09%** diện tích tự nhiên thành phố, giảm 6,11 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

3.4 Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024, tổng diện tích đất nông nghiệp cần chuyển mục đích sử dụng đất sang phi nông nghiệp của thành phố là **143,42** ha. Cụ thể:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 100,30 ha;
- Đất hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 11,41 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 31,84 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,15 ha.

Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở là 3,39 ha. Cụ thể:

- Đất an ninh 0,16 ha;
- Đất thương mại dịch vụ 0,71 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,6 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 1,89 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha chuyển sang.

Bảng 19: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024

Đơn vị: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ ..+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	143,42	6,61	10,61	4,42	1,89	0,53	36,61	0,49	0,50	-	54,06	13,88	13,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	100,03	3,65	5,28	1,45	1,30	-	23,52	-	-	-	39,20	12,81	12,82
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	100,03	3,65	5,28	1,45	1,30	-	23,52	-	-	-	39,20	12,81	12,82
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	11,41	0,50	0,15	0,77	-	0,03	9,44	0,01	-	-	0,51	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	31,84	2,46	5,19	2,20	0,59	0,50	3,65	0,48	0,50	-	14,35	0,92	1,00
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,15											0,15	
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,39	0	0,45	0,03	0		0,2		0,15	0,36	2,2		

3.5 Diện tích đất cần thu hồi

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tổng diện tích đất cần thu hồi đất là 88,52 ha. Cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi đất là 63,48 ha, trong đó: đất trồng lúa 35,37 ha, đất hàng năm khác 7,23 ha, đất trồng cây lâu năm là 20,32 ha và nuôi trồng thủy sản 0,15 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi đất là 25,04 ha, trong đó: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,98 ha, đất phát triển hạ tầng 4,66 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha, đất ở tại nông thôn 0,72 ha, đất ở đô thị 14,85 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,48 ha và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 3,32 ha.

Bảng 20: Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2024	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	63,48	0,69	9,98	1,00			18,98	-	0,50	-	17,06	6,45	8,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA	35,78	0,45	4,70				10,27	-	-	-	6,16	5,38	8,82
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	35,78	0,45	4,70				10,27				6,16	5,38	8,82
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,23		0,15				6,57				0,51		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	20,32	0,24	5,13	1,00			2,14		0,5		10,39	0,92	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15											0,15	
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	25,04	1,80	1,67	0,06		0,10	3,05	1,24	3,03	0,05	10,21	2,82	1,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,98								0,38		0,6		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,66	0,02	0,63				0,79	0,10	0,15	-	2,97	-	-
	<i>Trong đó:</i>		-												
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	0,14							0,1			0,04		
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	3,52						0,78				2,74		
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	0,63		0,63										
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	0,03	0,02					0,01						
	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	0,19										0,19		
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	0,15								0,15				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01							0,01					

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2024	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,02										0,02		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,72												0,72
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	14,85	1,68	0,54	0,06		0,10	1,52	0,76	2,18	0,05	6,24	1,72	
2.15	Đất trụ sở cơ quan	TSC	-												
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,48								0,10		0,38		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3,32	0,1	0,50				0,74	0,37	0,22			1,10	0,29

3.6 Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trên địa bàn thành phố Rạch Giá là 6,11 ha

Bảng 21: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2024	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	6,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,11	-	-
-	Đất ở tại đô thị	ODT	6,11										6,11		

3.7 Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

a) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	DGT	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi
2	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)-Cầu An Hòa	DGT	0,036		0,036	ODT	An Hòa
*	Công trình đa mục đích		1,51	0,71	0,80		
3	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường		1,51	0,71	0,80		An Hòa
		DCH	0,76	0,26	0,50	MNC	An Hòa
		DGT	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa
		ODT	0,24	0,10	0,14	CLN	An Hòa
*	Đất giao thông (DGT)		66,57	14,29	52,28		
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	DGT	1,75	1,00	0,75	CLN	An Hòa
5	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng)	DGT	1,63	0,70	0,93	CLN: 0,05; ODT: 0,1 HNK: 0,15 DGD: 0,63	An Hòa
6	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	DGT	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
7	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh
8	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
9	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	0,53	-	0,53	LUC: 0,18 CLN: 0,35	Vĩnh Quang
10	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
11	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
12	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 CLN: 0,13 DKV: 0,02 DTL: 0,04	Vĩnh Quang
13	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,14	0,02	ODT	Vĩnh Lạc
14	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
15	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
16	Cầu Giải phóng 9		3,14	0,48	2,66		
		DGT	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh
		DGT	0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp
		DGT	0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông
17	Đường Lạc Hồng nối dài (Từ tuyến tránh thành phố Rạch Giá đến cao tốc Rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,31	0,04	1,27	LUC: 1,19 SON: 0,05 ODT: 0,03	Vĩnh Hiệp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
		DGT	7,88	0,4	7,48	LUC: 5,36 SON: 0,34 CLN: 0,74 NTS: 0,15 ODT; 0,89	Vĩnh Thông
		DGT	9,76	0,28	9,48	LUC: 8,5 SON: 0,29 ONT: 0,69	Phi Thông
18	Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá		5,02	0,27	4,75		
		DGT	2,18	0,27	1,91	ODT: 1,24 LUC: 0,41 SON: 0,1 CLN: 0,16	An Bình
		DGT	2,84		2,84	ODT: 0,26 HNK: 0,49 LUC: 1,34 SON: 0,26 CLN: 0,49	Vĩnh Hiệp
19	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá	DGT	2,32	0,02	2,30	LUC: 1,64 CLN: 0,34 ODT: 0,24 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
20	Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định)	DGT	16,32	2,75	13,57	LUC: 4,83 CLN: 1,26 DTL: 0,78 HNK: 5,9 ODT: 0,79 TON: 0,01	Vĩnh Hiệp
21	Đường Sư Vạn Hạnh	DGT	1,00	0,42	0,58	CLN: 0,08 TON: 0,02 LUC: 0,04 ODT; 0,44	An Bình
22	Cầu kênh Đồn Dong	DGT	0,18	0,05	0,13	CLN: 0,02	Vĩnh Hiệp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
						ODT: 0,03 SON: 0,08	
23	Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)	DGT	2,02	1,66	0,36	SON: 0,16 CLN: 0,02 HNK: 0,02 ODT: 0,16	Vĩnh Hiệp
24	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	DGT	0,18	0,07	0,11	DTS: 0,1 ODT: 0,01	Vĩnh Thanh
25	Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)	DGT	1,68	0,92	0,76	ODT: 0,57 CLN: 0,15 LUC: 0,02 SON: 0,02	Vĩnh Thông
26	Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)	DGT	1,3	0,93	0,37	CLN: 0,03 ODT: 0,02 SON: 0,32	Vĩnh Thông
*	Đất công trình năng lượng (DNL)		0,13	-	0,13		
27	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thanh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp
*	Đất cơ sở văn hóa (DVH)		3,85	2,90	0,95		
28	Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa	DVH	0,35		0,35	LUC: 0,32 ONT: 0,03	Phi Thông
29	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	DVH	3,50	2,90	0,60	ODT: 0,2 CLN: 0,4	Vĩnh Thanh
*	Đất ở tại đô thị (ODT)		10,18	0,60	9,58		
30	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	0,85	-	0,85	LUC: 0,37 CLN: 0,48	Vĩnh Quang
31	Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường)	ODT	1,49	0,6	0,89	CLN	An Hòa
32	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	ODT	7,84		7,84	LUC: 4,7; CLN: 3,14	An Hòa

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
*	Đất ở khu chính trang						
			14,67	1,61	13,06		
33	Hạ tầng kỹ thuật chính trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	ODT	5,22	0,88	4,34	DTL: 1,31 CLN: 2,43 SKC: 0,60	Vĩnh Quang
		DKV	4,86	0,36	4,50	ODT: 2,5 DTS: 0,29 CLN: 1,4 DTL: 0,31	Vĩnh Quang
		DGT	4,59	0,37	4,22	DTL: 0,26 CLN: 2,81 DTS: 0,09 ODT: 0,83 LUC: 0,23	Vĩnh Quang
*	Đất cơ sở tín ngưỡng (TIN)		0,65	0,50	0,15		
34	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh
*	Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC)		2,65	-	2,65		
35	Cải tạo mở rộng trụ sở Khu hành chính tập trung	TSC	0,05		0,05	ODT	Vĩnh Thanh Vân
36	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
37	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,2	LUC	Vĩnh Hiệp
38	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
*	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD)		6,64	-	6,64		
39	Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang
40	Nhà Tang lễ	NTD	1,33		1,33	CLN: 0,89 ODT: 0,4 DGT: 0,04	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
*	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV)		1,24	-	1,24		
41	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Nguyễn An Ninh)	DKV	0,79		0,79	ODT; 0,31 DGT: 0,1 SON; 0,37 DSH: 0,01	Vĩnh Bảo
42	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,45		0,45	ODT	Vĩnh Bảo

b) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)-Cầu An Hòa	DGT	0,036		0,036	ODT	An Hòa
*	Đất giao thông (DGT)		66,57	14,29	52,28		
2	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	DGT	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
3	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh
4	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
5	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang
6	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
7	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 CLN: 0,13	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
						DKV: 0,02 DTL: 0,04	
8	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,14	0,02	ODT	Vĩnh Lạc
9	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
10	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
11	Cầu Giải phóng 9		3,14	0,48	2,66		
		DGT	2,13	0,36	1,77	DCH: 0,15 ODT: 0,92 CLN: 0,1 SKC: 0,38 SON: 0,22	Vĩnh Thanh
		DGT	0,29	0,06	0,23	HNK: 0,1 SON: 0,11 ODT: 0,01 CLN: 0,01	Vĩnh Hiệp
		DGT	0,72	0,06	0,66	ODT: 0,24 SON: 0,42	Vĩnh Thông
12	Đường Lạc Hồng Nối dài (Từ tuyến tránh thành phố Rạch Giá đến cao tốc Rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,31	0,04	1,27	LUC: 1,19 SON: 0,05 ODT: 0,03	Vĩnh Hiệp
		DGT	7,88	0,4	7,48	LUC: 5,36 SON: 0,34 CLN: 0,74 NTS: 0,15 ODT: 0,89	Vĩnh Thông
		DGT	9,76	0,28	9,48	LUC: 8,5 SON: 0,29 ONT: 0,69	Phi Thông
13	Đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá		5,02	0,27	4,75		
		DGT	2,18	0,27	1,91	ODT: 1,24 LUC: 0,41 SON: 0,1	An Bình

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
						CLN: 0,16	
		DGT	2,84		2,84	ODT: 0,26 HNK: 0,49 LUC: 1,34 SON: 0,26 CLN: 0,49	Vĩnh Hiệp
14	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá	DGT	2,32	0,02	2,30	LUC: 1,64 CLN: 0,34 ODT: 0,24 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
15	Đường kênh Vành Đai (Giải phóng 9 -Trương Định)	DGT	16,32	2,75	13,57	LUC: 4,83 CLN: 1,26 DTL: 0,78 HNK: 5,9 ODT: 0,79 TON: 0,01	Vĩnh Hiệp
16	Đường Sư Vạn Hạnh	DGT	1,00	0,42	0,58	CLN; 0,08 TON; 0,02 LUC: 0,04 ODT; 0,44	An Bình
17	Cầu kênh Đồn Dong	DGT	0,18	0,05	0,13	CLN: 0,02 ODT: 0,03 SON: 0,08	Vĩnh Hiệp
18	Đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Láng Cát)	DGT	2,02	1,66	0,36	SON: 0,16 CLN: 0,02 HNK: 0,02 ODT; 0,16	Vĩnh Hiệp
19	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	DGT	0,18	0,07	0,11	DTS: 0,1 ODT: 0,01	Vĩnh Thanh
20	Nâng cấp Đường Mạc Thiên Tích (từ đường Phan Văn Nhờ đến kênh Ranh)	DGT	1,68	0,92	0,76	ODT: 0,57 CLN: 0,15 LUC: 0,02 SON: 0,02	Vĩnh Thông
21	Đường Mạc Thiên Tích và Đường Nguyễn Văn Tư (từ đường 30 tháng 4 đến đường Võ Văn Kiệt)	DGT	1,3	0,93	0,37	CLN: 0,03 ODT: 0,02	Vĩnh Thông

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
						SON: 0,32	
*	<i>Đất công trình năng lượng (DNL)</i>		0,13	-	0,13		
22	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thanh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp
*	<i>Đất cơ sở văn hóa (DVH)</i>		3,85	2,90	0,95		
23	Nhà Văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Hòa	DVH	0,35		0,35	LUC: 0,32 ONT: 0,03	Phi Thông
*	<i>Đất ở khu chỉnh trang</i>						
			14,67	1,61	13,06		
24	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	ODT	5,22	0,88	4,34	DTL: 1,31 CLN: 2,43 SKC: 0,60	Vĩnh Quang
		DKV	4,86	0,36	4,50	ODT: 2,5 DTS: 0,29 CLN: 1,4 DTL: 0,31	Vĩnh Quang
		DGT	4,59	0,37	4,22	DTL: 0,26 CLN: 2,81 DTS: 0,09 ODT: 0,83 LUC: 0,23	Vĩnh Quang
*	<i>Đất cơ sở tín ngưỡng (TIN)</i>		0,65	0,50	0,15		
25	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh
*	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC)</i>		2,65	-	2,65		
26	Cải tạo mở rộng trụ sở Khu hành chính tập trung	TSC	0,05		0,05	ODT	Vĩnh Thanh Vân
27	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
28	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,2	LUC	Vĩnh Hiệp
29	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
*	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD)</i>		6,64	-	6,64		
30	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang
31	Nhà Tang lễ	NTD	1,33		1,33	CLN: 0,89 ODT: 0,4 DGT: 0,04	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
*	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV)</i>		1,24	-	1,24		
32	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Nguyễn An Ninh)	DKV	0,79		0,79	ODT; 0,31 DGT: 0,1 SON; 0,37 DSH: 0,01	Vĩnh Bảo
33	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,45		0,45	ODT	Vĩnh Bảo

c) Các công trình dự án sử dụng đất vào mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng lân cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh

➤ **Tổng hợp danh mục công trình dự án thực hiện trong năm 2024**

(Kèm theo Biểu 10-CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

* Đối với các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

* Đối với các khoản chi: Bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Chi hỗ trợ 3,0 lần khi thu hồi đất nông nghiệp.

Bảng 22: Dự kiến khoản thu, chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá bình quân	Thành tiền
		(ha)	đồng/m ²)	
I	Các khoản thu			7.238.317.400.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở đô thị	105,34	5.000.000	5.267.187.400.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	5,00	3.000.000	150.000.000.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ	0,71	3.500.000	24.850.000.000
-	Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất	14,97	12.000.000	1.796.280.000.000
II	Các khoản chi			2.711.570.000.000
-	Chi bồi thường đất ở tại đô thị	14,85	10.000.000	1.484.600.000.000
-	Chi bồi thường đất ở tại nông thôn	0,72	3.000.000	21.600.000.000
-	Chi bồi thường đất cây lâu năm	20,32	1.000.000	203.200.000.000
-	Chi bồi thường đất cây hàng năm khác	7,23	1.000.000	72.300.000.000
-	Chi bồi thường đất trồng lúa	35,78	1.000.000	357.800.000.000
-	Chi bồi thường đất trồng nuôi trồng thủy sản	0,15	500.000	750.000.000
-	Hỗ trợ 3,0 lần đất nông nghiệp	63,48	900.000	571.320.000.000
III	Cân đối thu - chi (I - II)			4.526.747.400.000

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Giữ ổn định diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt nhằm đảm bảo vấn đề về an ninh lương thực; Đồng thời vận dụng các chính sách hỗ trợ đất trồng cây hàng năm khác của Chính phủ để hỗ trợ người sản xuất theo tinh thần Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng cây hàng năm khác. Nghiêm cấm việc chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ngoài các quy định hiện hành về sử dụng đất trồng cây hàng năm khác.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo. Hình thành, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người sản xuất đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐTTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên,... nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Hạn chế việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu; đồng thời tuyên truyền, vận động sử dụng các loại phân bón hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp. Giảm thiểu hiện tượng nhiễm mặn thông qua chính sách quản lý và bảo vệ lưu vực sông.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn thành phố; di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xen cài trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Để cải tạo, nâng cao năng suất đất trồng cây hàng năm khác (nhằm bù đắp lại phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác mất đi để thực hiện các công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) cần áp dụng các giải pháp sau:

+ Quy hoạch, phát triển các cơ sở và diện tích sản xuất lúa giống; tiếp tục thử nghiệm các giống lúa có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện chuyển giao các biện pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng quy trình tiêu chuẩn hóa và tổ chức phổ biến, truyền đạt kỹ thuật canh tác, tiến đến xây dựng một số vùng lúa đạt tiêu chuẩn Viet GAP.

+ Hỗ trợ, khuyến khích nông dân thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn.

+ Cần đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi, giao thông nội đồng.

+ Cần có giải pháp hỗ trợ người nông dân trong khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận được với các nguồn vốn vay ở địa phương thông qua các dự án tín dụng.

+ Cải tiến công nghệ thu hoạch nhằm giảm bớt mức thiệt hại ở khâu thu hoạch, cơ giới hóa trong quá trình thu hoạch lúa để rút ngắn thời gian thu hoạch, tránh thiệt hại do thiên tai gây ra và chuẩn bị kịp thời cho vụ tiếp theo.

4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vận động nguồn vốn nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Chú trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai cấp huyện, cán bộ địa chính phường xã để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Rạch Giá trong năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần chú ý thực hiện các giải pháp như sau.

4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các phường xã tổ chức công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các phường xã; đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, buổi họp khu phố để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt tuyên truyền khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình cá nhân có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất như đất thương mại dịch vụ, đất ở đô thị, đất ở nông thôn nhanh chóng làm thủ tục pháp lý chuyển mục đích đúng với mục đích sử dụng đất trong kế hoạch được duyệt.

4.3.2 Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

+ Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn).

+ Cần có giải pháp hỗ trợ nông dân tận dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại chuyển sang phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả cao, áp dụng tiến bộ khoa học tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa.

+ Hướng dẫn, đào tạo cho nông dân chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc

chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

4.3.3.1. Giải pháp chung về tổ chức, quản lý

- Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các phường xã trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quan tâm sớm bố trí vốn để các dự án sớm được thực hiện. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi chặt chẽ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để các dự án sớm được triển khai thực hiện và đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tiếp tục cải cách các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất phải đơn giản hóa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thực hiện các công trình dự án; chủ động phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn; các chủ đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đo đạc, kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu trên đất,... đồng thời, phải ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

4.3.3.2. Trách nhiệm của UBND thành phố, các phòng, ban, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ cho chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, giám sát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo luật định. Công khai quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo các phường xã xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

- Các phường xã căn cứ vào kế hoạch của thành phố để triển khai kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn theo định hướng và các chỉ tiêu phân khai đã được xác định trong kế hoạch của huyện.

- Các ngành bám sát phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng của ngành mình để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phải xin chủ trương của UBND tỉnh, thành phố và phối hợp với Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục điều chỉnh theo quy định.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch và Chi cục Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo quy định của pháp luật.

- Phòng Quản lý Đô thị triển khai các quy hoạch thuộc phạm vi mình phụ trách.

- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tổ chức xây dựng dự án khả thi và tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình, dự án theo tiến độ của phòng Kinh tế, phòng Quản lý Đô thị và phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với phòng Nội vụ và các phòng, ban có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND thành phố ban hành các chương trình, chính sách để giải quyết việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

- Phòng Kinh tế xây dựng các giải pháp cụ thể sử dụng quỹ đất nông nghiệp đạt hiệu quả cao, bền vững, xây dựng các công trình thủy lợi, tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và tôn tạo cảnh quan môi trường.

Giải pháp cụ thể đối với các dự án công trình đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 mang tính khả thi:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, 2024 và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh; phối hợp với các ngành có liên quan quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm như: đường Trần Văn Giàu, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường 3/2 đoạn Rạch Giá - Châu Thành...; Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án như: Chinh trang mở rộng đường Võ Trường Toản và các tuyến đường nội ô, cầu bắc qua kênh Rạch Giá – Hà Tiên (*cầu Giải phóng 9*), ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Rạch Giá, kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên (*từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Bảo và phường Vĩnh Lạc*)...; phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại lô L2, L3 thuộc dự án Tuyến dân cư để biên đoạn qua thành phố Rạch Giá và Đấu giá Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang, Đấu giá 02 khu đất A-TMDV1 và A-TMDV2 ... Tăng cường huy động, tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn.

Tiếp tục thực hiện công tác chỉnh trang đô thị và cải tạo môi trường khu vực xung quanh kênh Ông Hiên. Ưu tiên bố trí thêm vốn nâng cấp đô thị hàng năm để thực hiện công tác chỉnh trang đô thị, cải tạo môi trường, sửa chữa nâng cấp các tuyến đường đã xuống cấp, phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ giữa khu vực nội ô và khu vực ven

thành phố Rạch Giá...góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng, đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại I.

- Tập trung triển khai các biện pháp khai thác nguồn thu, nhất là công tác chống thất thu thuế trong lĩnh vực xây dựng, cho thuê mặt bằng và một số ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao. Chỉ đạo tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị và Sơ đồ phân bố khu vực phát triển đô thị; tập trung rà soát, triển khai thực hiện kế hoạch phủ kín quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Rạch Giá đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn với tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch; chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện các tiêu chí đạt đô thị loại I, Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức lập các Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Tiếp tục chỉ đạo các phường xây dựng phường văn minh đô thị.

- Tập trung chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Phối hợp với Tổ chức WWF-Việt Nam và các ngành có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa và rác thải nhựa đến năm 2025. Kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại về đất đai, phản ánh về môi trường; thực hiện tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, xây dựng,...

- Đối với các dự án lấn biển UBND thành phố Rạch Giá yêu cầu các chủ đầu tư nhanh chóng triển khai các công tác san lấp mặt bằng cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng tiến độ.

- Đối với công trình, dự án thu hồi đất cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác thu hồi, thực hiện tốt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố.

- Đối với công trình, dự án chuyển mục đích của các tổ chức đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất 2024, UBND thành phố chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, cần tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm tạo nguồn thu ngân sách của thành phố.

- Đối với công trình giao đất, Ủy ban nhân dân các phường xã cần phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ, trích đo để làm căn cứ hoàn thành thủ tục giao đất.

- Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố, phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn, tạo điều kiện để người có nhu cầu thực hiện chuyển mục đích theo đúng Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

4.4 Các giải pháp khác

4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Nhằm giảm thiểu rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch (theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đề xuất các giải pháp ứng phó như sau:

- Cập nhật, cụ thể hóa kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lựa chọn các hạng mục, giải pháp ưu tiên phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để lồng ghép triển khai thực hiện.

- Lồng ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện; rà soát cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch ngành, địa phương đồng thời tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng để thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện; chủ động phòng, chống hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển.

- Đề xuất nâng cấp, mở rộng các công trình đê kè, đập, khu neo đậu tránh trú bão; nghiên cứu giải pháp hình thành hệ thống chống ngập đồng bộ, hiệu quả. Huy động các nguồn lực xây dựng các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển. Rà soát, hỗ trợ di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, bờ biển và các nguy cơ thiên tai khác. Tiếp tục đầu tư phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới tiêu nước đồng bộ hiệu quả.

- Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khi lập, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch. Đối với các dự án đầu tư mới yêu cầu phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường (thủ tục về quản lý tài nguyên nước, chất thải nguy hại, ký quỹ bảo vệ môi trường...) thực hiện hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi vận hành chính thức.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước trong xóm, ấp, khu dân cư; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ; quy hoạch chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo khí tượng, thủy văn, xâm nhập mặn do các cơ quan chuyên ngành khí tượng, thủy văn và các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp; tổ chức đo đạc thường xuyên độ mặn tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn để kịp thời nắm bắt tình trạng xâm nhập mặn; hướng

dẫn người dân thực hiện kế hoạch lấy, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi như nạo vét kênh rạch, đắp đập tạm, lắp đặt trạm bơm dã chiến tranh thủ vận hành công trình thủy lợi lấy nước, trữ nước để sử dụng khi xâm nhập mặn lên cao, nguồn nước ngọt bị hạn chế.

4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước chuyển giao cho người dân thông qua báo đài, các mô hình thí điểm, các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công,...

- Xây dựng và cập nhật thường xuyên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; Đầu tư cơ sở vật chất, từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường công tác điều tra cơ bản để nâng cao chất lượng công tác dự báo việc quản lý, sử dụng đất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trình tự, nội dung các bước trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Báo cáo kế hoạch sử dụng đất thành phố Rạch Giá được thành lập trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá; Kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2023; Danh mục công trình dự án cần thu hồi đất của UBND thành phố Rạch Giá, cũng như những danh mục công trình, dự án thu thập được tại các ban ngành trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, tài liệu còn kế thừa một khối lượng rất lớn danh mục công trình dự án thu hồi đất trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang thông qua, Qua những kết quả của báo cáo, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Kết quả của báo cáo đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các công trình dự án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả tỉnh, thành phố và địa phương...trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, nguồn vốn, đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2024.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của thành phố Rạch Giá nhất là những công trình cấp thiết được triển khai đầy đủ trong năm 2024, UBND thành phố Rạch Giá kiến nghị:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang xem xét thông qua đề UBND thành phố Rạch Giá có cơ sở trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Rạch Giá. Từ đó, UBND thành phố có cơ sở thực hiện vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai;

- Đề nghị UBND tỉnh cần có các chính sách đầu tư, hỗ trợ thỏa đáng tạo điều kiện đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để thành phố Rạch Giá phát huy tốt tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nói chung, sự chuyên dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.